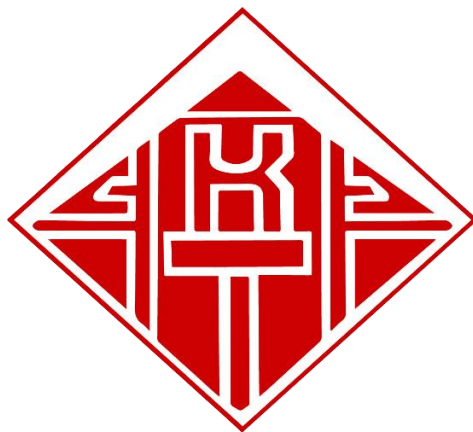


**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH
ASIA**

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Xuân Hiệp

Sinh viên thực hiện : Trần Phương Thảo

MSSV : 2254010031

Khóa học : 2022 – 2026

Lớp : 22KH1

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH
ASIA**

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Xuân Hiệp
Sinh viên thực hiện : Trần Phương Thảo
MSSV : 2254010031
Khóa học : 2022 – 2026
Lớp : 22KH1

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 5 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện.

- Họ và tên sinh viên : Trần Phương Thảo
- Chuyên ngành : Kế toán tổng hợp
- Trình độ đào tạo : Chính quy
- Khoá học : 2022 - 2026

2. Tên đề tài Khoá luận tốt nghiệp: “KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA”.

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khoá luận tốt nghiệp:

4. Các bảng biểu:

5. Cán bộ hướng dẫn: Th.S Nguyễn Xuân Hiệp

6. Ngày giao nhiệm vụ Khoá luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành Khoá luận tốt nghiệp: 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

DANH MỤC SƠ ĐỒ

DANH MỤC HÌNH ẢNH

LỜI CẢM ƠN

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ..1

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh..... 1

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh..... 1

1.1.1.1. Khái niệm doanh thu..... 1

1.1.1.2. Khái niệm chi phí..... 1

1.1.1.3. Khái niệm kết quả kinh doanh..... 1

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh..... 1

1.2. Kế toán các khoản doanh thu.....2

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....2

1.2.1.1. Khái niệm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 2

1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 2

1.2.1.3. Chứng từ sử dụng 2

1.2.1.4. Tài khoản sử dụng 2

1.2.1.5. Phương pháp kế toán 4

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu..... 4

1.2.2.1. Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu 4

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng 5

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng 5

1.2.2.4. Phương pháp kế toán 5

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính5

1.2.3.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính 5

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng 6

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng 6

1.2.3.4. Phương pháp kế toán 7

1.2.4. Kế toán thu nhập khác.....7

1.2.4.1. Nội dung thu nhập khác 7

1.2.4.2. Chứng từ sử dụng	8
1.2.4.3. Tài khoản sử dụng	8
1.2.4.4. Phương pháp kế toán	9
1.3. Kế toán các khoản chi phí	9
1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán	9
1.3.1.1. Nội dung của giá vốn hàng bán	9
1.3.1.2. Nguyên tắc hạch toán giá vốn hàng bán	10
1.3.1.3. Phương pháp tính giá xuất kho.....	10
1.3.1.4. Chứng từ sử dụng	11
1.3.1.5. Tài khoản sử dụng	11
1.3.1.6. Phương pháp kế toán	12
1.3.2. Kế toán chi phí tài chính.....	13
1.3.2.1. Nội dung của chi phí tài chính	13
1.3.2.2. Chứng từ sử dụng	13
1.3.2.3. Tài khoản sử dụng	13
1.3.2.4. Phương pháp kế toán	14
1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	14
1.3.3.1. Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh	14
1.3.3.2. Chứng từ sử dụng	15
1.3.3.3. Tài khoản sử dụng	15
1.3.3.4. Phương pháp kế toán	17
1.3.4. Kế toán chi phí khác.....	18
1.3.4.1. Nội dung của chi phí khác	18
1.3.4.2. Chứng từ sử dụng	18
1.3.4.3. Tài khoản sử dụng	18
1.3.4.4. Phương pháp kế toán	19
1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	19
1.3.5.1. Nội dung của chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	19
1.3.5.2. Chứng từ sử dụng.....	19
1.3.5.3. Tài khoản sử dụng.....	20
1.3.5.4. Phương pháp kế toán.....	20
1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	20
1.4.1. Nội dung của kết quả kinh doanh	20
1.4.2. Chứng từ sử dụng.....	21
1.4.3. Tài khoản sử dụng	21
1.4.4. Phương pháp hạch toán	22

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA.....	23
2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia....	23
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia.....	23
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty.....	24
2.1.2.1. Chức năng của công ty.....	24
2.1.2.2. Nhiệm vụ của công ty.....	24
2.2. Đặc điểm tổ chức quản lý và tổ chức kế toán tại công ty.....	24
2.2.1. Đặc điểm tổ chức quản lý tại công ty.....	24
2.2.2. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty.....	26
2.2.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	26
2.2.2.2. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty và phần mềm sử dụng.....	27
2.2.2.3. Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.....	30
2.3. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia.....	30
2.3.1. Kế toán các khoản doanh thu	30
2.3.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	30
a. Nội dung kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty.....	30
b. Chứng từ sử dụng	31
c. Tài khoản và sổ sách kế toán	31
d. Nghiệp vụ phát sinh.....	31
2.3.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	39
2.3.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	39
a. Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính tại công ty	39
b. Chứng từ sử dụng	40
c. Tài khoản và sổ sách kế toán	40
d. Nghiệp vụ phát sinh.....	40
2.3.1.4. Kế toán thu nhập khác	43
a. Nội dung kế toán thu nhập khác tại công ty.....	43
b. Chứng từ sử dụng	43
c. Tài khoản và sổ sách kế toán	44
d. Nghiệp vụ phát sinh.....	44
2.3.2. Kế toán các khoản chi phí	46
2.3.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán	46

a. Nội dung của giá vốn hàng bán tại công ty.....	46
b. Chứng từ sử dụng	46
c. Tài khoản và sổ sách kế toán	46
d. Nghiệp vụ phát sinh.....	46
2.3.2.2. Kế toán chi phí tài chính.....	50
a. Nội dung của chi phí tài chính tại công ty.....	50
b. Chứng từ sử dụng	51
c. Tài khoản và sổ sách kế toán	51
d. Nghiệp vụ phát sinh.....	51
2.3.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	56
a. Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh tại công ty	56
b. Chứng từ sử dụng	57
c. Tài khoản và sổ sách kế toán	57
d. Nghiệp vụ phát sinh.....	57
2.3.2.4. Kế toán chi phí khác.....	60
a. Nội dung của chi phí khác tại công ty	60
b. Chứng từ sử dụng	61
c. Tài khoản và sổ sách kế toán	61
d. Nghiệp vụ phát sinh.....	61
2.3.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	66
a. Nội dung của chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty	66
b. Chứng từ sử dụng	66
c. Tài khoản sử dụng	66
d. Nghiệp vụ phát sinh.....	67
2.3.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	73
a. Nội dung của kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	73
b. Chứng từ sử dụng.....	73
c. Tài khoản sử dụng và sổ sách kế toán.....	74
d. Nghiệp vụ phát sinh.....	74
CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ GÓP PHẦN NHẪM HOÀN THIỆN THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA.....	83
3.1. Nhận xét, đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia	83

3.1.1. Ưu điểm	83
3.1.2. Hạn chế	83
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia.....	84
3.2.1. Giải pháp chung nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia	84
3.2.2. Giải pháp nhằm hoàn thiện thực trạng công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia.....	84

KẾT LUẬN

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Diễn giải
1	TSCĐ	Tài sản cố định
2	GTGT	Giá trị gia tăng
3	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
4	HTKK	Hỗ trợ kê khai
5	XNK	Xuất nhập khẩu
6	TTDB	Tiêu thụ đặc biệt
7	BVMT	Bảo vệ môi trường
8	KQKD	Kết quả kinh doanh
9	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
10	BHXH	Bảo hiểm xã hội
11	BHYT	Bảo hiểm y tế
12	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp

DANH MỤC SƠ ĐỒ

- Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu tài khoản 511
- Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán tài khoản 515
- Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán tài khoản 711
- Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán tài khoản 632
- Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán tài khoản 635
- Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán tài khoản 642
- Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán tài khoản 811
- Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán tài khoản 821
- Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán tài khoản 911
- Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia
- Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia
- Sơ đồ 2.3. Sơ đồ kế toán theo hình thức Nhật ký chung
- Sơ đồ 2.4. Sơ đồ ghi sổ kế toán trên phần mềm kế toán WINTAX

DANH MỤC HÌNH ẢNH

- Hình 1. Giao diện Phần mềm kế toán WINTAX của công ty
- Hình 2. Giao diện nhập dữ liệu chi tiết của Phần mềm kế toán WINTAX
- Hình 3. Giao diện nhập liệu phần mềm của hóa đơn số 1619
- Hình 4. Hóa đơn GTGT số 1619
- Hình 5. Phiếu thu số 10361
- Hình 6. Giao diện nhập liệu phần mềm của hóa đơn số 1681
- Hình 7. Hóa đơn GTGT số 1681
- Hình 8. Phiếu thu số 10547
- Hình 9. Trích sổ Chi tiết tài khoản 5111
- Hình 10. Trích Sổ Cái tài khoản 511
- Hình 11. Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn
- Hình 12. Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn
- Hình 13. Trích sổ Chi tiết tài khoản 515
- Hình 14. Trích Sổ Cái tài khoản 515
- Hình 15. Phiếu báo có của ngân hàng
- Hình 16. Giao diện nhập liệu phần mềm
- Hình 17. Trích sổ Chi tiết tài khoản 711
- Hình 18. Trích Sổ Cái tài khoản 711
- Hình 19. Phiếu xuất kho theo Hóa đơn số 1619
- Hình 20. Phiếu xuất kho theo Hóa đơn số 1681
- Hình 21. Trích Sổ Chi tiết tài khoản 632
- Hình 22. Trích Sổ Cái tài khoản 632
- Hình 23. Hóa đơn GTGT số 11694
- Hình 24. Giao diện phần mềm nhập liệu hóa đơn số 11694
- Hình 25. Trích Sổ Chi tiết tài khoản 635
- Hình 26. Trích Sổ Cái tài khoản 635
- Hình 27. Bảng lương nhân viên tháng 07
- Hình 28. Phiếu kế toán các khoản trích theo lương tháng 7
- Hình 29. Trích Sổ chi tiết tài khoản 6421
- Hình 30. Trích Sổ Cái tài khoản 642
- Hình 31. Hóa đơn GTGT số 63593
- Hình 32. Giao diện phần mềm nhập liệu hóa đơn số 63593
- Hình 33. Trích Sổ Chi tiết tài khoản 811
- Hình 34. Trích Sổ Cái tài khoản 811

Hình 35. Giao diện phần mềm HTKK

Hình 36. Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Hình 37. Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

Hình 38. Trích Sổ Chi tiết tài khoản 821

Hình 39. Trích Sổ Cái tài khoản 821

Hình 40. Trích Sổ Chi tiết tài khoản 911

Hình 41. Trích Sổ Cái tài khoản 911

Hình 42. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Hình 43 : Trích Sổ Nhật Ký Chung năm 2025

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình thực tập, em đã nhận được rất nhiều sự quan tâm và hỗ trợ từ nhà trường, thầy cô và đơn vị thực tập. Em xin được gửi lời cảm ơn chân thành đến Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã tạo cơ hội để em được tiếp cận môi trường làm việc thực tế, qua đó giúp em hiểu rõ hơn về ngành học mà mình đang theo đuổi.

Em xin bày tỏ sự biết ơn sâu sắc đến thầy Nguyễn Xuân Hiệp - người đã đồng hành, hướng dẫn và định hướng cho em trong suốt thời gian thực tập. Những nhận xét và góp ý của thầy không chỉ giúp em hoàn thành khóa luận thực tập mà còn mang lại cho em nhiều kiến thức và kinh nghiệm quý báu cho quá trình học tập và làm việc sau này.

Em cũng xin chân thành cảm ơn Công ty TNHH thương mại dịch vụ và du lịch Asia đã tạo điều kiện để em được thực tập và học hỏi trong môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện. Sự hỗ trợ và chỉ dẫn tận tình từ các anh/chị trong công ty đã giúp em có thêm cơ hội vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế và rèn luyện các kỹ năng cần thiết.

Do khả năng và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế, bài khóa luận thực tập của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý và chỉ dẫn từ quý thầy cô để em có thể hoàn thiện hơn trong thời gian tới.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

Lý do chọn đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp luôn phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt. Để có thể tồn tại và phát triển bền vững, doanh nghiệp không chỉ cần xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả mà còn phải quản lý tốt các hoạt động tài chính của mình. Trong đó, doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là những chỉ tiêu kinh tế quan trọng, phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như hiệu quả sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp.

Doanh thu là nguồn tạo ra lợi nhuận và đảm bảo sự tồn tại của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc kiểm soát chi phí hợp lý giúp doanh nghiệp tối ưu hóa lợi nhuận và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Thông qua việc xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp có thể đánh giá được hiệu quả hoạt động trong từng kỳ kế toán, từ đó đưa ra các quyết định quản lý và định hướng phát triển phù hợp.

Qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia, em nhận thấy tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, đồng thời muốn vận dụng những kiến thức đã được học vào thực tiễn, em đã lựa chọn đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia” để nghiên cứu và tìm hiểu.

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

+ Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia. Cụ thể bao gồm các nội dung liên quan đến việc ghi nhận doanh thu, tập hợp chi phí, hạch toán các nghiệp vụ phát sinh và xác định kết quả kinh doanh theo quy định hiện hành của chế độ kế toán Việt Nam.

+ Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: Nghiên cứu tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia.

- Về thời gian: Số liệu sử dụng trong đề tài được thu thập trong năm 2025.

Phương pháp nghiên cứu của đề tài

Để hoàn thành đề tài này, em đã sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau, bao gồm:

- Phương pháp thu thập số liệu: Thu thập thông tin từ các chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và các tài liệu liên quan của doanh nghiệp.
- Phương pháp quan sát thực tế: Quan sát quy trình luân chuyển chứng từ và quy trình hạch toán kế toán tại đơn vị thực tập.
- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phân tích các số liệu thu thập được nhằm đánh giá tình hình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Phương pháp tham khảo tài liệu: Tham khảo các giáo trình, chuẩn mực kế toán, thông tư hướng dẫn và các văn bản pháp luật có liên quan để làm cơ sở lý luận cho đề tài.

Cấu trúc của đề tài

Nội dung bài khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh doanh nghiệp vừa và nhỏ

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia

Chương 3: Nhận xét và một số kiến nghị góp phần nhằm hoàn thiện thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.1.1.1. Khái niệm doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.1.2. Khái niệm chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế (hao phí về nguồn lực doanh nghiệp đạt một mục tiêu cụ thể khi mua hàng hóa) trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

1.1.1.3. Khái niệm kết quả kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định.
- Kết quả sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ với giá vốn bán hàng, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh có nhiệm vụ ghi chép, phản ánh đầy đủ, chính xác và kịp thời các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời, kế toán phải theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện các khoản doanh thu, chi phí nhằm đảm bảo việc hạch toán đúng chế độ kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành. Kế toán tiến hành tổng hợp số liệu để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, phản ánh chính xác tình hình lãi hoặc lỗ của

doanh nghiệp, cung cấp thông tin trung thực, đáng tin cậy cho nhà quản lý và các đối tượng liên quan, làm cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả hoạt động, kiểm soát chi phí, xây dựng kế hoạch kinh doanh và đưa ra các quyết định quản trị phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

1.2. Kế toán các khoản doanh thu

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Khái niệm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu được xác định như một cách tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ việc giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Sau khi bán hàng cho khách hàng mà đủ điều kiện ghi nhận doanh thu thì kế toán tiến hành phản ánh các khoản thu đó.

1.2.1.3. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Lệnh thanh toán
- Giấy báo có
- Một số chứng từ liên quan khác

1.2.1.4. Tài khoản sử dụng

- TK 511 - "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho công ty mẹ, công ty con trong cùng một tập đoàn, có 4 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 5111 - "Doanh thu bán hàng hóa" được sử dụng chủ yếu cho các doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, vật tư.

+ Tài khoản 5112 - "Doanh thu bán các thành phẩm" được sử dụng ở các doanh nghiệp sản xuất vật chất như công nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp.

+ Tài khoản 5113 - "Doanh thu cung cấp dịch vụ" được sử dụng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như giao thông vận tải, bưu điện, du lịch. Dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học kỹ thuật.

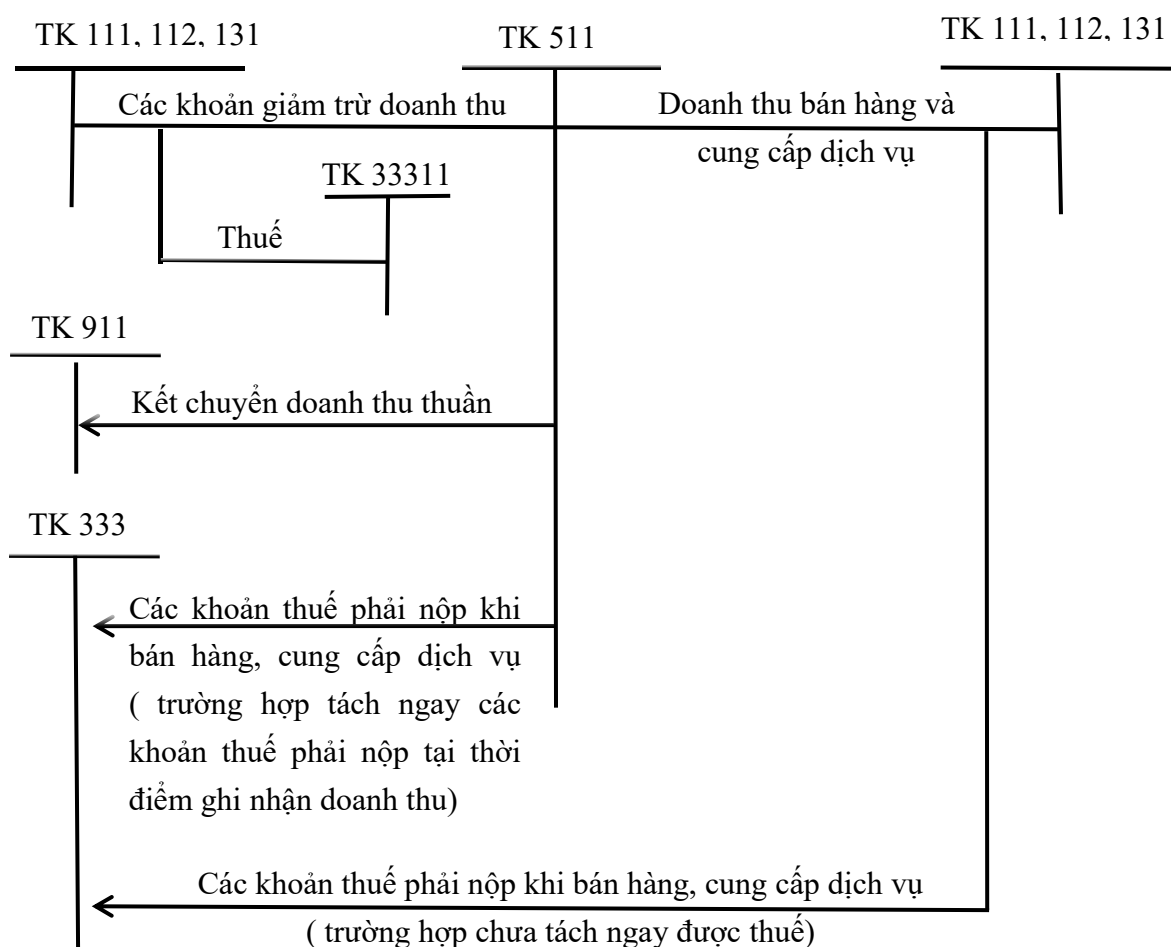
+ Tài khoản 5118 - "Doanh thu khác".

- Nội dung kết cấu TK 511:

NỢ	Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"	CÓ
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT; tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, bảo vệ môi trường). - Các khoản giảm trừ doanh thu kết chuyển cuối kỳ: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. - Kết chuyển sang 911 "Xác định kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ".		- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ. - Doanh thu bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ.

* **Lưu ý:** Tài khoản 511 - "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" không có số dư cuối kỳ.

1.2.1.5. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Chiết khấu thương mại: Là số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng do mua hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại được ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.

- Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho khách hàng trên giá bán đã thỏa thuận do nguyên nhân về người bán như kém chất lượng, không đúng quy cách, lỗi thời, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm như trong hợp đồng,...

- Hàng bán bị trả lại: Là giá trị của một thành phẩm, hàng hóa đã xác định tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp

đồng như: hàng kém chất lượng, hàng không đúng quy định, sai chủng loại, hàng bị trả lại phải có văn bản đề nghị người mua ghi rõ lý do hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu chỉ trả lại một phần) và kèm chứng từ nhập kho của doanh nghiệp số hàng đã nói trên.

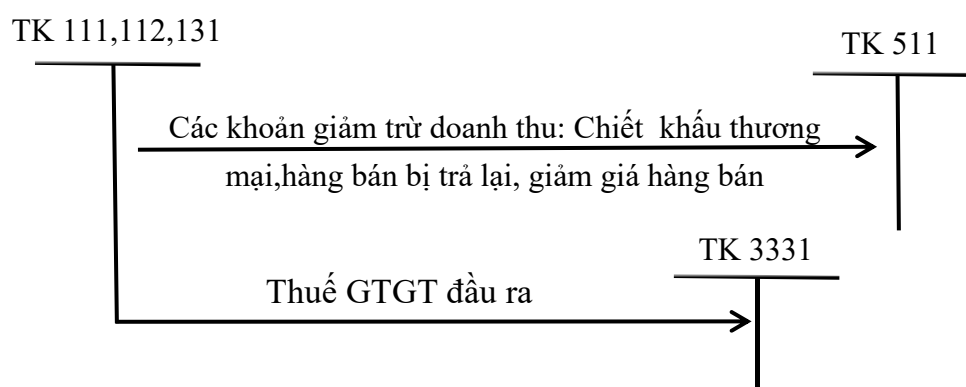
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Chiết khấu thương mại: Hóa đơn GTGT, biên bản điều chỉnh, hóa đơn điều chỉnh
- Giảm giá hàng bán: Biên bản điều chỉnh, hóa đơn điều chỉnh kèm bảng kê
- Hàng bán bị trả lại: Hóa đơn của bên mua xuất trả lại hàng đã mua. Kèm theo các văn bản về lý do bị trả.

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

Theo quy định của thông tư 133/2016/TT-BTC, để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán hạch toán vào bên Nợ tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

1.2.2.4. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu tài khoản 511

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.3.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là khoản thu nhập mà doanh nghiệp có được từ các hoạt động tài chính ngoài các hoạt động kinh doanh chính. Đây thường là các khoản lợi nhuận tiền bản quyền, tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...
- Cổ tức lợi nhuận được chia.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái.
- Chênh lệch do bán ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng

- + Giấy báo có
- + Hợp đồng mua bán chứng khoán
- + Trái phiếu
- + Chứng từ giao dịch (lãi nhập gốc)
- + Bảng kê lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái
- + Các chứng từ khác liên quan đến hoạt động tài chính.

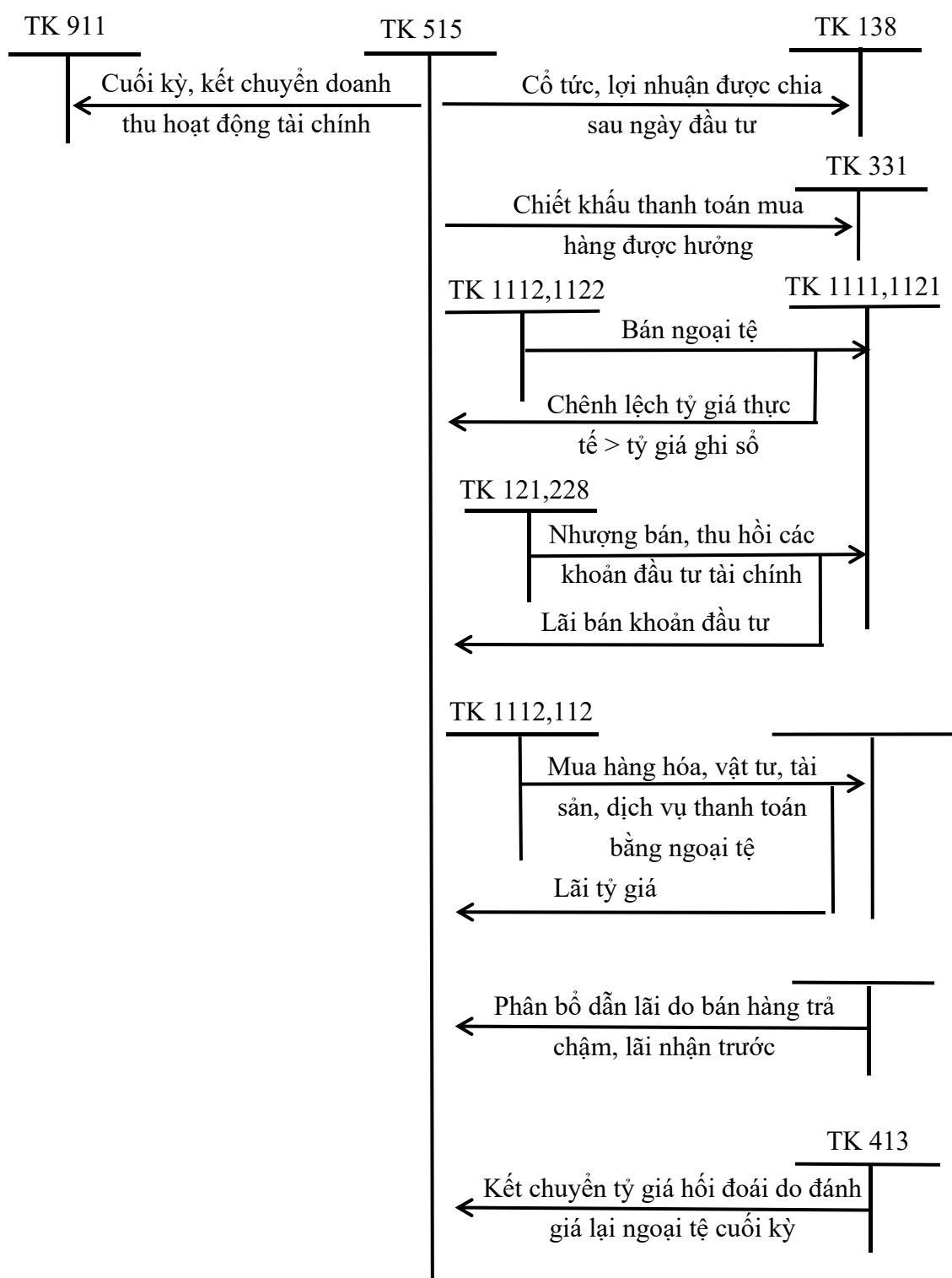
1.2.3.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 “Doanh thu tài chính” tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu từ hoạt động tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.
- Nội dung kết cấu TK 515:

NỢ	Tài khoản 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"	CÓ
- Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		Doanh thu từ hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

* Lưu ý: Tài khoản 515– “ Doanh thu hoạt động tài chính” không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.4. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán tài khoản 515

1.2.4. Kế toán thu nhập khác

1.2.4.1. Nội dung thu nhập khác

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có khả thực hiện hoặc là những khoản thu không mang tính thường xuyên. Bao gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định
- + Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đi góp vốn liên doanh, đầu tư công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và cho thuê tài sản
- + Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ
- + Các khoản thuế được Ngân sách Nhà nước hoàn lại
- + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- + Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có)
- + Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp.

1.2.4.2. Chứng từ sử dụng

- + Hóa đơn bán tài sản số định
- + Biên bản thanh lý tài sản cố định
- + Biên bản nhượng bán công cụ dụng cụ
- + Giấy báo Có
- + Biên bản vi phạm hợp đồng,...

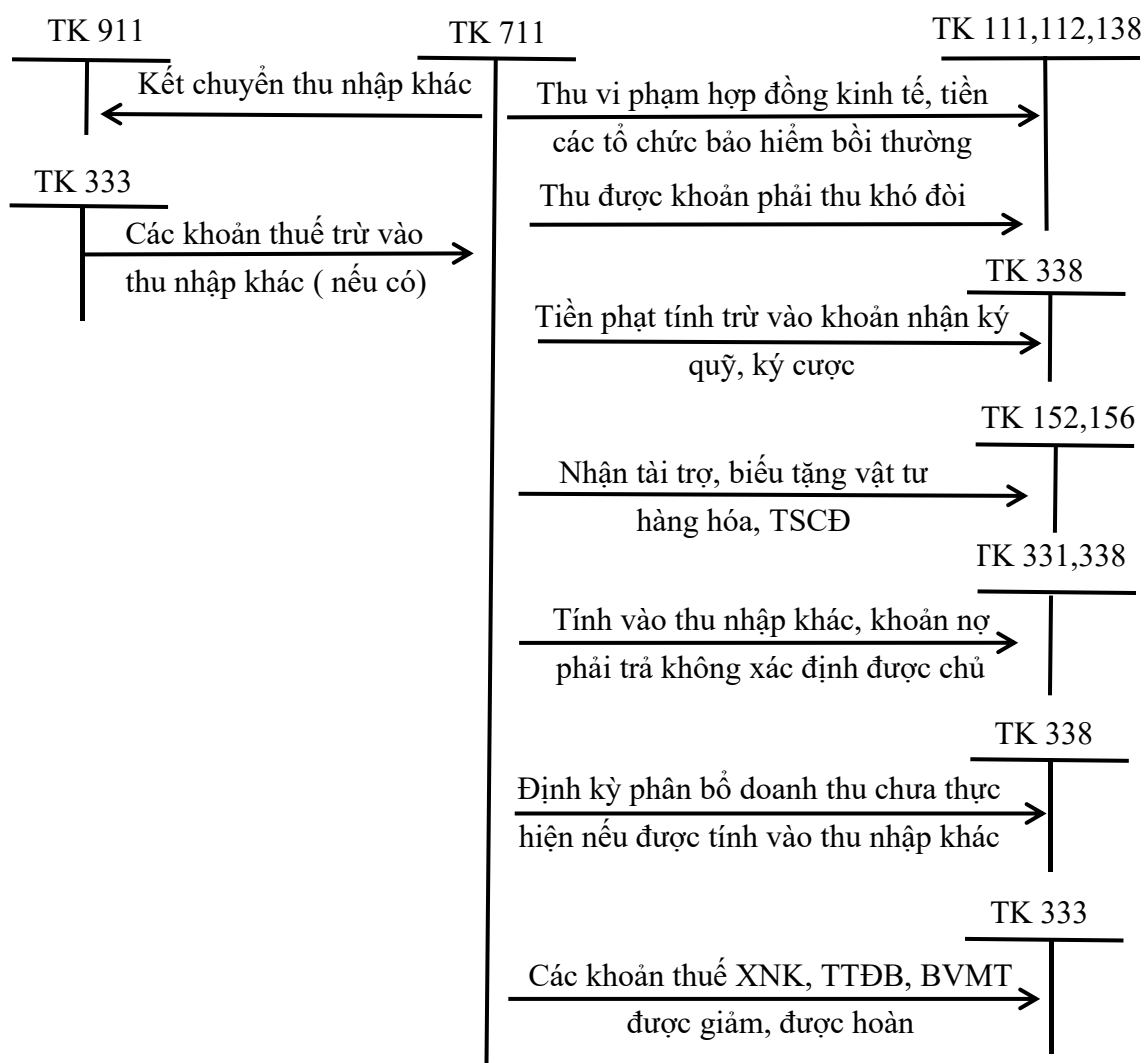
1.2.4.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 711 – “Thu nhập khác” tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Nội dung kết cấu TK 711:

NỢ	Tài khoản 711 “Thu nhập khác”	CÓ
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”		Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

* **Lưu ý:** Tài khoản 711 – “Thu nhập khác” không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.4. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán tài khoản 711

1.3. Kế toán các khoản chi phí

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

1.3.1.1. Nội dung của giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng là số tiền phản ánh giá trị thực tế của các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ, bao gồm:

- Đối với doanh nghiệp sản xuất: giá thành sản xuất của sản phẩm, bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công và các chi phí khác phục vụ sản xuất sản phẩm đã bán ra trong kỳ.

- Đối với doanh nghiệp thương mại: giá trị của hàng hóa đã xuất kho, chi phí mua hàng, vận chuyển, bảo quản phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ.

- Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ: giá thành lao vụ, dịch vụ hoàn thành trong kỳ, chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ đã thực hiện.

1.3.1.2. Nguyên tắc hạch toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là toàn bộ các chi phí cần thiết để tạo ra sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ kế toán, gồm chi phí mua sắm thiết bị, nguyên vật liệu đầu vào, chi phí sản xuất, lương nhân công, chi phí vận chuyển và các chi phí khác liên quan.

Ngoài ra, giá vốn còn bao gồm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc, và chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho sau khi trừ phần được bồi thường. Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường không được hoàn lại cũng được tính vào giá vốn hàng bán.

Tuy nhiên, những chi phí không hợp lệ theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ không được tính vào giá vốn, mà phải điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khi quyết toán thuế.

1.3.1.3. Phương pháp tính giá xuất kho

Để tính giá trị hàng xuất kho, kế toán có thể linh hoạt áp dụng một trong ba phương pháp định giá sau đây để tối ưu hóa quy trình hạch toán:

- Phương pháp thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)

◆ Phương pháp thực tế đích danh

Phương pháp thực tế đích danh là cách tiếp cận dựa trên giá trị thực tế của từng mặt hàng được mua vào hoặc sản xuất ra. Đối với mỗi sản phẩm, giá đích danh này là giá trị thực tế tương ứng với quá trình mua bán hoặc sản xuất.

Theo phương pháp này, khi sản phẩm, hàng hóa, hoặc vật tư xuất ra, giá xuất kho sẽ được xác định bằng đơn giá nhập của lô tương ứng. Nó giúp bảo đảm tính minh bạch và chính xác trong việc ghi nhận giá xuất kho của từng sản phẩm hay lô hàng.

◆ Phương pháp tính theo giá bình quân gia quyền

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

Khi áp dụng phương pháp này, đến cuối kỳ kế toán, chúng ta sẽ sử dụng số lượng hàng tồn đầu kỳ cùng với các lần nhập hàng trong kỳ của từng loại hàng tồn kho để tính giá trị hàng xuất kho trong kỳ.

Công thức tính theo giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho trong kỳ bình quân} = \frac{(\text{Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng tồn kho nhập trong kỳ})}{(\text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng tồn kho nhập trong kỳ})}$$

- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập

Khi sử dụng phương pháp tính giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (hay còn được gọi là bình quân gia quyền di động hoặc bình quân tức thời), bước quan trọng là xác định lại giá trị tồn kho sau mỗi lần nhập hàng cho từng loại hàng. Điều này đảm bảo rằng giá trị xuất kho mỗi lần xuất có thể khác nhau.

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá trị thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

◆ Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)

Nhập trước - xuất trước (FIFO) là phương pháp định giá hàng tồn kho dựa trên giả định rằng những lô hàng hóa nào được nhập vào kho sớm nhất thì sẽ được xuất kho để bán hoặc sử dụng đầu tiên.

Phương pháp này có những đặc điểm sau:

Hàng tồn kho là những hàng mới mua, mới sản xuất gần nhất.

Giá trị của hàng tồn kho sát với giá trị thay thế nhất.

Trong bối cảnh tăng giá, phương pháp này có thể dẫn đến báo cáo giá vốn hàng bán thấp hơn, từ đó tạo ra ấn tượng về lợi nhuận cao hơn.

Phù hợp với những loại hàng hóa dễ lạc hậu, xuống cấp.

1.3.1.4. Chứng từ sử dụng

- + Hóa đơn GTGT
- + Hóa đơn mua hàng hóa, nguyên vật liệu, thành phẩm
- + Phiếu xuất kho
- + Phiếu nhập kho
- + Bảng kê nhập xuất tồn

1.3.1.5. Tài khoản sử dụng

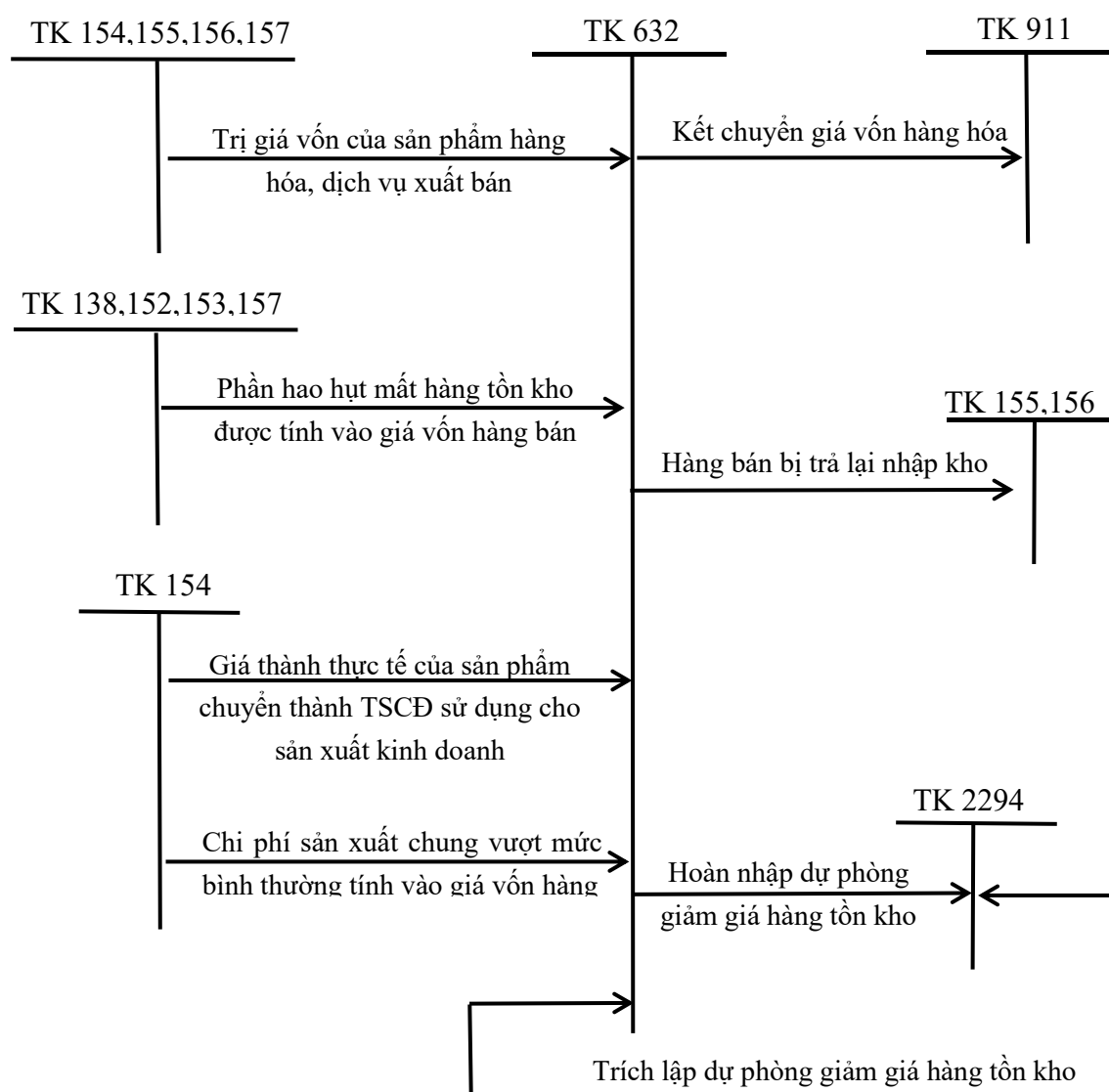
- TK 632 - "Giá vốn hàng bán" tài khoản này dùng để phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

- Nội dung kết cấu TK 632:

NỢ	Tài khoản 632 " Giá vốn hàng bán"	CÓ
- Ghi nhận giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Ghi nhận giá vốn của bất động sản đầu tư, dịch vụ đã cung cấp - Các khoản hao hụt, chênh lệch đánh giá lại hàng tồn kho làm tăng giá vốn. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	- Kết chuyển giá vốn vào tài khoản 911 Xác định kết quả kinh doanh. - Điều chỉnh giảm giá vốn do hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán hoặc các điều chỉnh sai sót.	

* **Lưu ý:** Tài khoản 632 - " Giá vốn hàng hóa" không có số dư cuối kỳ.

1.3.1.6. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán tài khoản 632

1.3.2. Kế toán chi phí tài chính

1.3.2.1. Nội dung của chi phí tài chính

Chi phí tài chính là các khoản chi phí mà doanh nghiệp phải chịu liên quan đến các hoạt động tài chính, như đi vay, đầu tư, hoặc biến động tỷ giá hối đoái. Đây là một phần quan trọng trong báo cáo tài chính và có ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

1.3.2.2. Chứng từ sử dụng

- + Giấy báo lãi,
- + Hợp đồng vay vốn
- + Phiếu thu chi
- + Giấy báo Nợ
- + Giấy báo Có
- + Hợp đồng thuê tài sản
- + Hóa đơn thuê tài sản,...

1.3.2.3. Tài khoản sử dụng

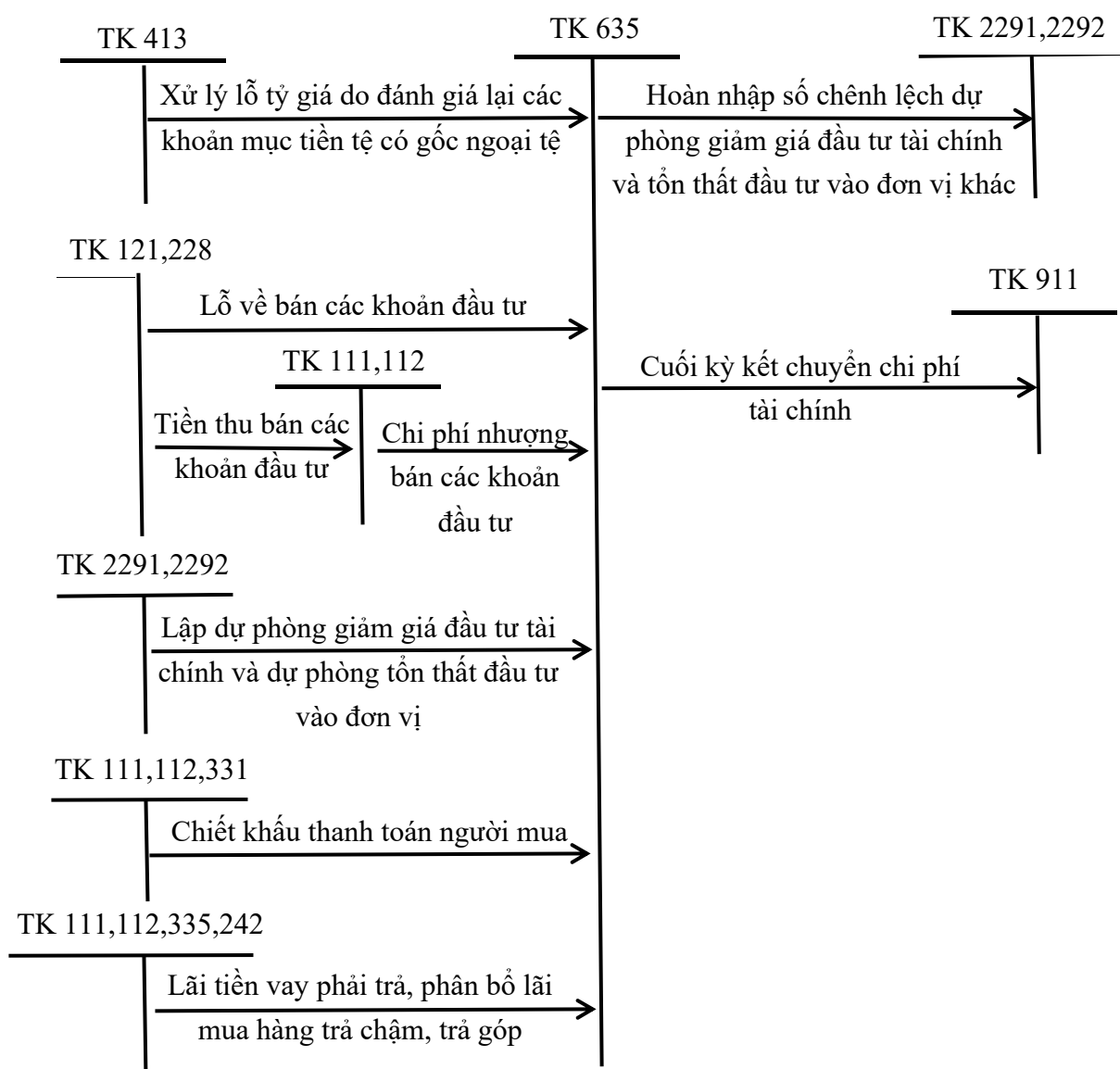
- Tài khoản 635 - "Chi phí tài chính" tài khoản này dùng để phản ánh khoản chi phí phát sinh trong kỳ.

- Nội dung kết cấu TK 635:

NỢ	Tài khoản 635 "Chi phí tài chính"	CÓ
- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ. - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định KQKD.	

* **Lưu ý:** Tài khoản 635 - "Chi phí tài chính" *không có số dư cuối kỳ.*

1.3.2.4. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán tài khoản 635

1.3.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.3.1. Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng:

+ Chi phí bán hàng là chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ

+ Chi phí nhân viên bán hàng gồm các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa, vận chuyển hàng

hóa đi bán và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và bảo hiểm thất nghiệp.

- + Chi phí vật liệu bao bì phục vụ cho việc đóng gói sản phẩm, bảo quản sản phẩm. nhiên liệu để vận chuyển sản phẩm đi bán, phụ tùng thay thế cho việc sửa chữa tài sản cố định cho bộ phận bán hàng. Chi phí dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho hoạt động bán hàng như các dụng cụ đo lường, bàn ghế, máy tính cầm tay...

- + Chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bảo quản sản phẩm, hàng hóa, bộ phận bán hàng, như khấu hao nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển.

- + Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động bán hàng như chi phí sửa chữa tài sản cố định, tiền thuê kho bãi, tiền thuê bốc vác vận chuyển hàng hóa đi bán, hoa hồng phải trả cho đại lý, các đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu...

- + Chi phí khác bằng tiền đã chi ra cho hoạt động bán hàng gồm chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, chi phí chào hàng, quảng cáo, chi tiếp khách cho bộ phận bán hàng, chi phí tổ chức cho hội nghị khách hàng, chi phí bảo hành sản phẩm.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp

- + Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp

- + Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp gồm tiền lương và các khoản phụ cấp. ăn giữa ca phải trả cho giám đốc, nhân viên ở các phòng ban và các khoản trích kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

- + Chi phí vật liệu phục vụ cho hoạt động quản lý doanh nghiệp

- + Chi phí đồ dùng văn phòng phục vụ cho công tác quản lý

- + Chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ chung cho toàn doanh nghiệp: nhà, văn phòng làm việc của doanh nghiệp, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, thiết bị văn phòng ..

- + Thuế, phí, lệ phí: Thuế môn bài, thuế nhà đất và các khoản phí khác

- + Chi phí dự phòng: Dự phòng phải thu khó đòi

1.3.3.2. Chứng từ sử dụng

- + Hóa đơn GTGT

- + Phiếu chi

- + Giấy báo Nợ

- + Bảng lương nhân viên

- + Bảng chấm công

- + Bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định,...

1.3.3.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 642 - "Chi phí quản lý kinh doanh" tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Nội dung kết cấu TK 642:

NỢ	Tài khoản 642 "Chi phí quản lý kinh doanh"	CÓ
- Các chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng phải lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.

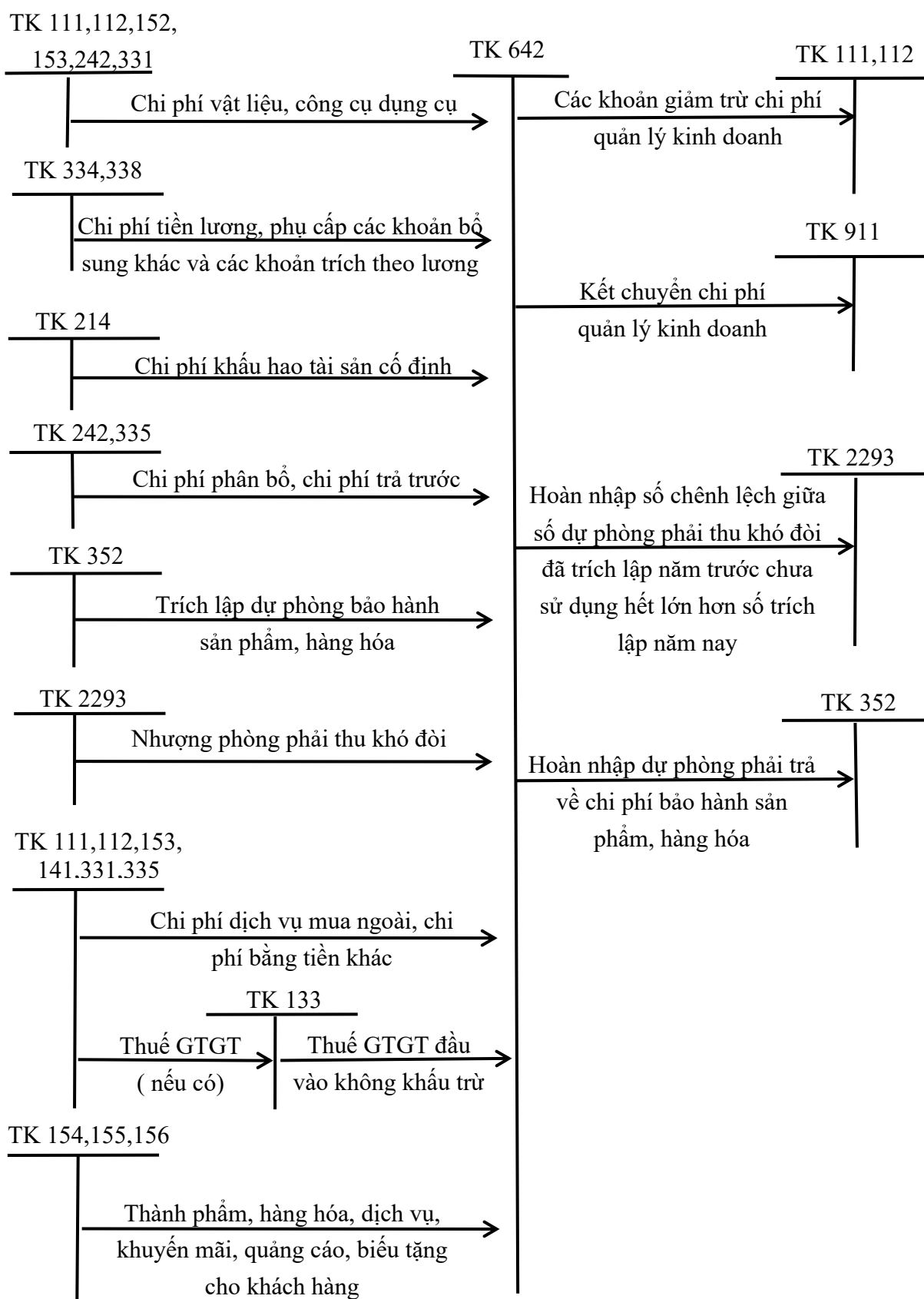
*** Lưu ý:** Tài khoản 642 - "" Chi phí quản lý kinh doanh" *không có số dư cuối kỳ*".

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

- Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

1.3.3.4. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán tài khoản 642

1.3.4 Kế toán chi phí khác

1.3.4.1. Nội dung của chi phí khác

Chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu.

Chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định. Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Chênh lệch lỗ do đánh giá vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn khác.
- Bị phạt thuế, chi nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác.

1.3.4.2. Chứng từ sử dụng

- + Biên bản thanh lý TSCĐ
- + Quyết định thanh lý TSCĐ
- + Hóa đơn chi phí vận chuyển, tháo dỡ (nếu có)
- + Biên bản vi phạm hợp đồng
- + Chứng từ thanh toán khoản phạt (ủy nhiệm chi, phiếu chi, giấy báo nợ).....

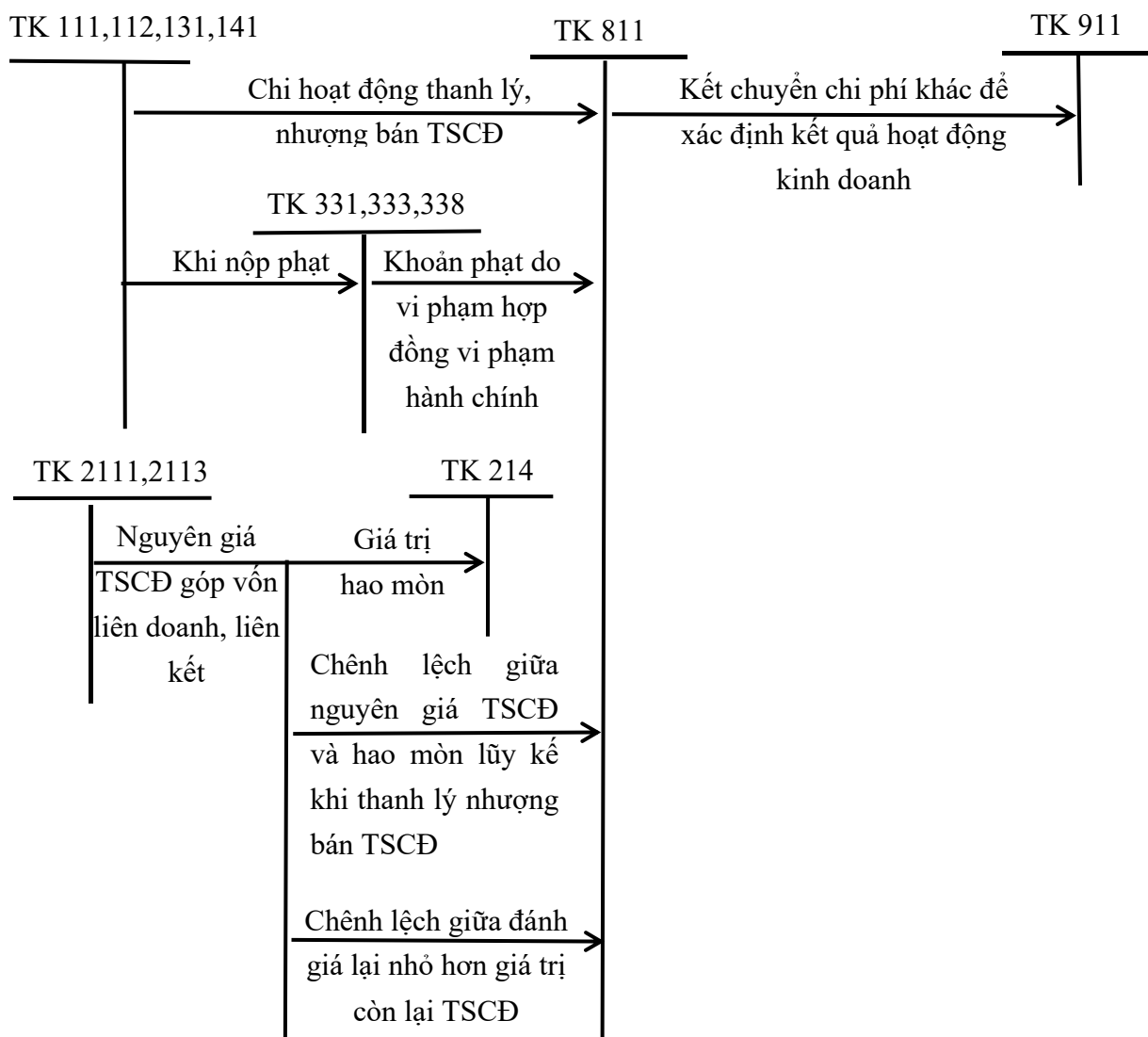
1.3.4.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 811 - Chi phí khác: Để hạch toán chi phí khác
- Nội dung kết cấu TK 811:

NỢ	Tài khoản 811 “Chi phí khác”	CÓ
Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí khác sang TK 911 " Xác định kết quả kinh doanh"

* **Lưu ý:** Tài khoản 811 - " Chi phí khác" *không có số dư cuối kỳ.*

1.3.4.4. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán tài khoản 811

1.3.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.5.1. Nội dung của chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

1.3.5.2. Chứng từ sử dụng

- + Tờ khai quyết toán thuế TNDN
- + Tờ khai điều chỉnh thuế TNDN
- + Báo cáo tài chính

+ Giấy nộp tiền và ngân sách nhà nước (Ủy nhiệm chi hoặc phiếu nộp tiền)

1.3.5.3. Tài khoản sử dụng

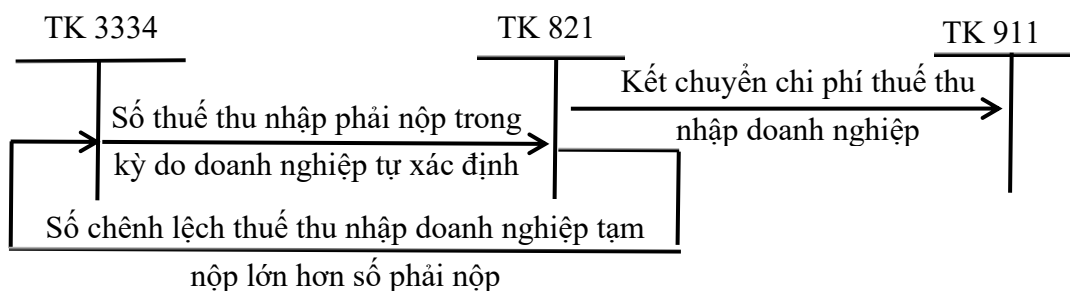
- TK 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

- Nội dung kết cấu TK 821:

NỢ	Tài khoản 821 “Chi phí thuế như nhập doanh nghiệp”	CÓ
- Thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại. - Thuế TNDN của các năm trước nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu được ghi tăng chi phí của năm hiện tại	- Số thuế TNDN hiện hành phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN tạm nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã được ghi nhận trong năm. - Số thuế TNDN phải nộp giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu các năm trước được ghi giảm chi phí TNDN hiện hành trong năm hiện tại. - Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành vào bên Nợ TK 911.	

* Lưu ý: Tài khoản 821 – “Thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư cuối kỳ.

1.3.5.4. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán tài khoản 821

1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4.1. Nội dung của kết quả kinh doanh

Xác định kết quả kinh doanh: là số lãi (hay lỗ) từ hoạt động kinh doanh được tạo thành bởi số lãi hay lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động đầu tư tài chính..., được tính bằng số chênh lệch doanh thu thuần về bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, doanh thu thuần về bất động sản đầu tư với giá trị vốn của hàng hóa, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư.

Và kết quả đầu tư tài chính là số lãi hay lỗ từ hoạt động tài chính ngắn hạn và dài hạn mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

Việc xác định kết quả kinh doanh thường được tiến hành vào cuối kỳ kinh doanh và thường là cuối quý, cuối năm. Tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động kinh doanh được tính theo công thức sau:

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

● Trong đó:

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

+ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = (Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Giá vốn bán hàng) + (Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính) - Chi phí quản lý kinh doanh

+ Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

1.4.2. Chứng từ sử dụng

+ Chứng từ ghi nhận doanh thu

+ Chứng từ ghi nhận chi phí

+ Chứng từ ghi nhận lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

1.4.3. Tài khoản sử dụng

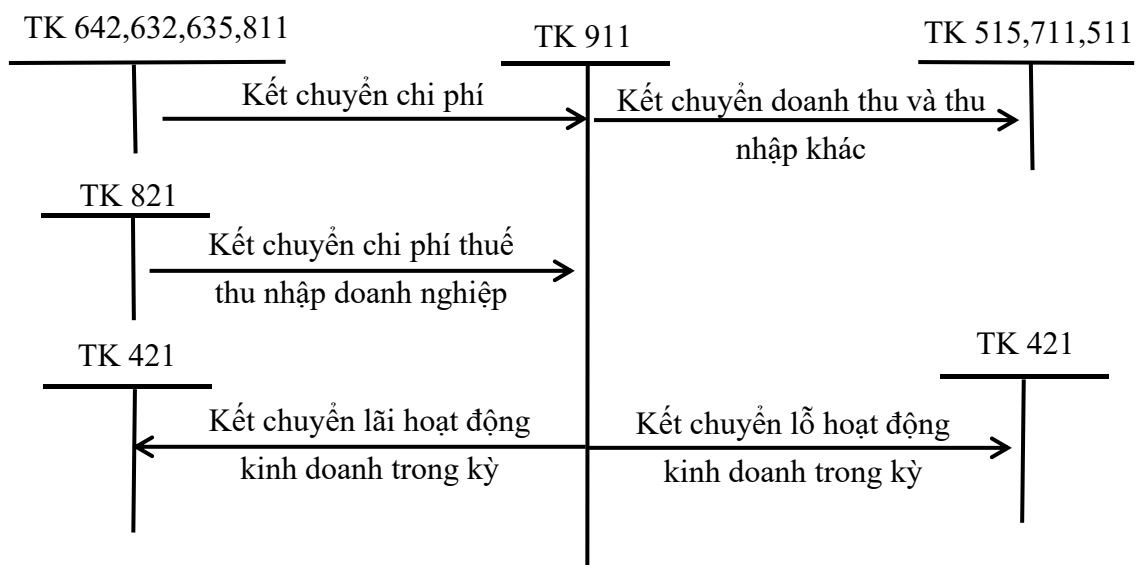
- Tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh” tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán năm.

- Nội dung kết cấu TK 911:

NỢ	Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”	CÓ
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Chi phí quản lý kinh doanh. - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi		- Doanh thu thuần - Doanh thu hoạt động tài chính - Thu nhập khác - Kết chuyển lỗ

* Lưu ý: TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh” không có số dư cuối kỳ.

1.4.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán tài khoản 911

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia

- Tên công ty : Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia
- Tên quốc tế : Asia tourismand trade service company limited
- Tên viết tắt : Công ty TNHH TM DV và DL Asia
- Loại hình doanh nghiệp : Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên
- Tình trạng hoạt động : Đang hoạt động
- Nơi đăng ký quản lý : Chi cục Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng
- Mã số thuế : 0402153447
- Giám đốc : Cao Minh Triều
- Điện thoại : 0905154351
- Ngày hoạt động : 16/06/2022
- Địa chỉ trụ sở chính : 16 Thanh Lương 3, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

- Công ty có ngành nghề kinh doanh chính là “ Đại lý du lịch ” cụ thể là kinh doanh du lịch lữ hành nội địa.

Công ty TNHH thương mại dịch vụ và du lịch Asia được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 16 tháng 06 năm 2022, do chi cục Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng trực tiếp quản lý, hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên, với mã số thuế là 0402153447. Trụ sở chính của công ty đặt tại 16 Thanh Lương 3, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, người đại diện theo pháp luật là ông Cao Minh Triều.

Trong giai đoạn đầu hoạt động, công ty tập trung vào việc xây dựng bộ máy tổ chức, ổn định nhân sự và từng bước triển khai các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ. Bên cạnh đó, công ty mở rộng thêm các hoạt động thương mại như cung cấp dịch vụ quảng cáo, vận tải và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm tận dụng nguồn lực sẵn có và đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Qua quá trình hoạt động, cùng với sự phát triển của nền kinh tế và nhu cầu đa dạng của khách hàng, việc đa dạng hóa ngành nghề giúp công ty nâng cao khả năng cạnh tranh, tăng nguồn doanh thu và tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định.

Đến nay, Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Asia đã từng bước khẳng định vị thế trên thị trường, duy trì hoạt động kinh doanh ổn định và không ngừng hoàn thiện. Trong thời gian tới, công ty tiếp tục định hướng phát triển bền vững, mở rộng thị trường và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty

2.1.2.1. Chức năng của công ty

Hoạt động kinh doanh chính của công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia tập trung vào lĩnh vực đại lý du lịch và điều hành tour nội địa, cung cấp các dịch vụ liên quan đến tổ chức du lịch, lữ hành và các dịch vụ hỗ trợ vận tải nhằm phục vụ nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng của khách hàng. Bên cạnh ngành nghề kinh doanh chính, công ty còn mở rộng sang các ngành nghề khác như cung cấp các dịch vụ hỗ trợ như vận tải hành và một số dịch vụ phục vụ cá nhân khác theo quy định của pháp luật.

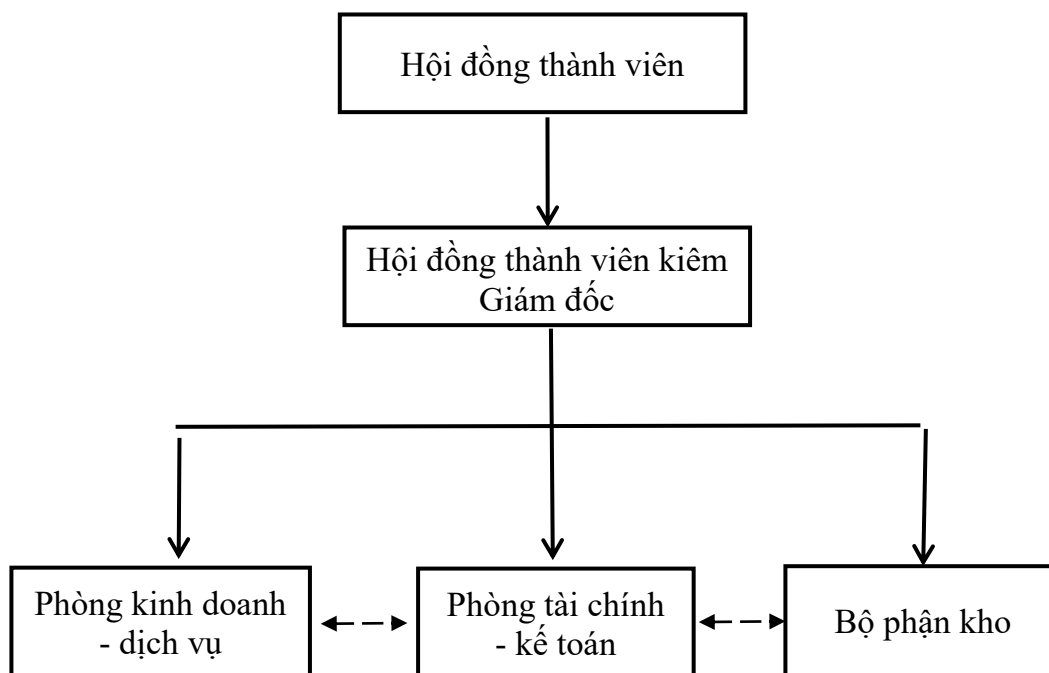
2.1.2.2. Nhiệm vụ của công ty

- Nộp các loại thuế cho nhà nước.
- Kinh doanh đúng ngành nghề đăng kí.
- Kiểm soát tốt chất lượng, số lượng hàng hóa.
- Gia tăng thị trường, doanh thu, lợi nhuận cho công ty.

2.2. Đặc điểm tổ chức quản lý và tổ chức kế toán tại công ty

2.2.1. Đặc điểm tổ chức quản lý tại công ty

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia có bộ máy quản lý đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc, trực tiếp điều hành mọi hoạt động. Dưới Giám đốc, công ty gồm ba bộ phận chức năng chính là Phòng Kinh doanh – Dịch vụ, Phòng Tài chính – Kế toán và Bộ phận kho.



Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia

Ghi chú:

- Quan hệ chỉ đạo
 -----→ Quan hệ phối hợp

- Chức năng của từng bộ phận

Hội đồng thành viên: Là cơ quan cao nhất trong công ty TNHH nhiều thành viên, có nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của công ty, bổ nhiệm và giám sát Giám đốc, phê duyệt kế hoạch kinh doanh, báo cáo tài chính và phân chia lợi nhuận, đồng thời theo dõi hoạt động của công ty và đảm bảo quyền lợi của các thành viên.

Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc: Là người lãnh đạo cao nhất của doanh nghiệp, chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ hoạt động của công ty theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp. Là người đưa ra các quyết định mang tính chiến lược, tổ chức và quản lý tổng thể các nguồn lực nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả. Đồng thời, Giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, trực tiếp xây dựng mục tiêu, định hướng phát triển dài hạn và giám sát quá trình thực hiện các kế hoạch đã đề ra.

Phòng Tài chính - Kế toán: Quản lý và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến tài chính và kế toán của công ty. Bộ phận này đóng vai trò tham mưu cho Ban Giám đốc trong việc quản lý chi phí, sử dụng hiệu quả nguồn vốn và tài sản. Phòng

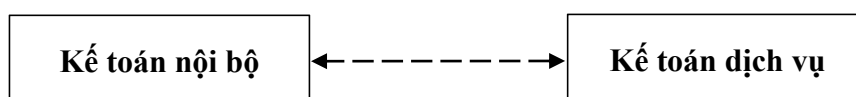
tài chính - kế toán có trách nhiệm theo dõi, phản ánh kịp thời tình hình biến động của tài sản và nguồn vốn, đảm bảo việc tuân thủ các chế độ tài chính - kế toán theo quy định. Lập kế hoạch tài chính hàng năm và xây dựng kế hoạch vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Phòng Kinh doanh - Dịch vụ: Giữ vai trò chủ lực trong hoạt động bán hàng và phát triển thị trường, là cầu nối trực tiếp giữa sản phẩm, dịch vụ của công ty với khách hàng. Bộ phận này thực hiện nghiên cứu thị trường, xây dựng và triển khai các chiến lược quảng bá, giới thiệu sản phẩm nhằm gia tăng mức độ nhận diện và thu hút khách hàng. Phòng kinh doanh đảm nhiệm công tác tìm kiếm khách hàng tiềm năng, duy trì mối quan hệ với khách hàng hiện tại, xây dựng và thực hiện các chính sách chăm sóc khách hàng như ưu đãi, khuyến mãi, chiết khấu, cũng như hỗ trợ khách hàng trong quá trình sử dụng sản phẩm, dịch vụ.

Bộ phận kho: Chịu trách nhiệm quản lý hàng hóa, vật tư mà công ty dùng cho hoạt động kinh doanh, đảm bảo chúng luôn trong tình trạng tốt và sẵn sàng để sử dụng hoặc giao cho khách. Thực hiện nhập kho khi có hàng mới về, và xuất kho khi có đơn bán hàng đã được phê duyệt. Lập các chứng từ cần thiết như phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, rồi gửi những chứng từ này cho phòng kế toán để theo dõi và ghi nhận số liệu. Phối hợp với phòng kinh doanh và kế toán để đảm bảo việc giao hàng cho khách hàng diễn ra đúng thời gian, đầy đủ và chính xác.

2.2.2. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty

2.2.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia

Ghi chú:

-----> Quan hệ phối hợp

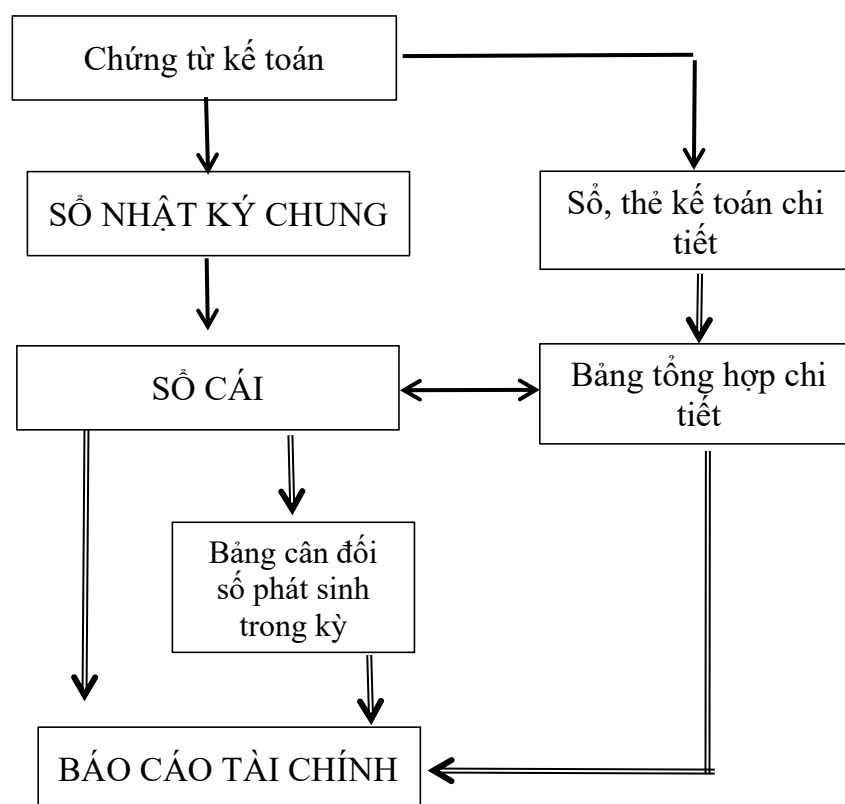
- Chức năng nhiệm vụ của từng phần hành kế toán

Kế toán nội bộ: trực tiếp theo dõi các hoạt động kinh tế phát sinh hằng ngày tại công ty. Công việc chủ yếu bao gồm lập và kiểm tra các chứng từ thu - chi, hóa đơn bán hàng, theo dõi tình hình mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, quản lý công nợ phải thu, phải trả và lưu trữ chứng từ kế toán. Ngoài ra, kế toán nội bộ còn tổng hợp số liệu ban đầu, đối chiếu chứng từ và cung cấp đầy đủ hồ sơ, số liệu cho kế toán dịch vụ thuê ngoài theo định kỳ.

Kế toán dịch vụ: tiếp nhận chứng từ và số liệu do kế toán nội bộ chuyển giao để thực hiện hạch toán tổng hợp, kê khai thuế và lập các báo cáo theo quy định. Bộ phận này chịu trách nhiệm lập báo cáo thuế, báo cáo tài chính định kỳ, đồng thời tư vấn cho công ty các vấn đề liên quan đến chế độ kế toán, chính sách thuế và các quy định tài chính hiện hành.

2.2.2.2. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty và phần mềm sử dụng

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Asia hiện đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” nhằm phản ánh đầy đủ và kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động.



Sơ đồ 2.3. Sơ đồ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



- Trình tự ghi sổ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào sổ

liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối tài khoản. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có là bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi trên Bảng cân đối tài khoản phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

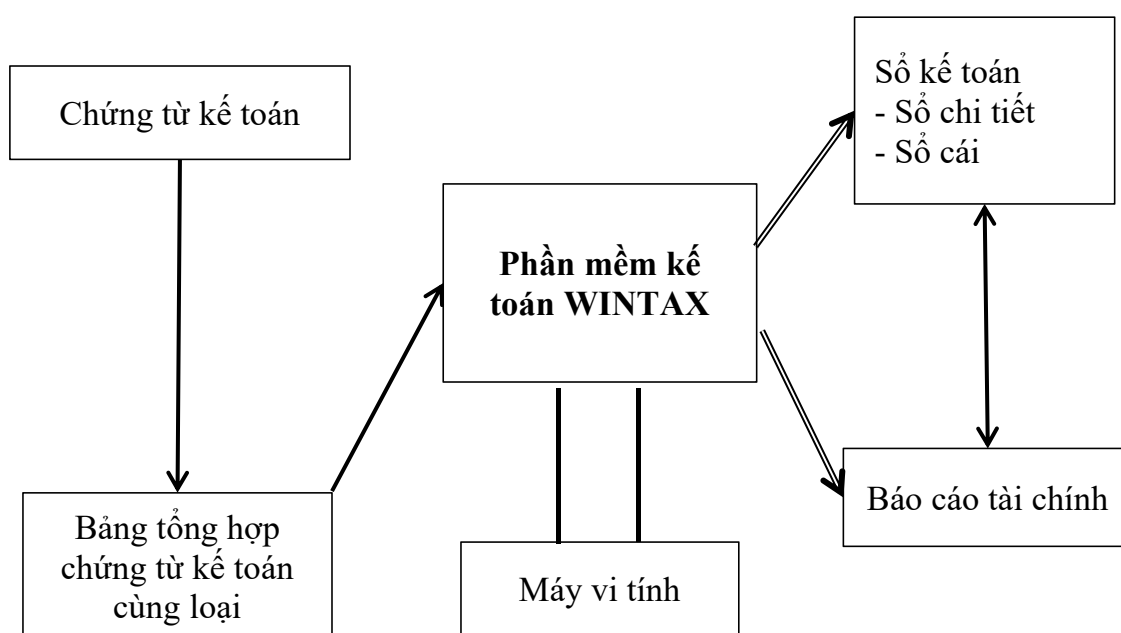
- Phần mềm kế toán sử dụng: Công ty áp dụng phần mềm kế toán WINTAX trong công tác kế toán nhằm phục vụ việc ghi nhận, quản lý và tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Việc ứng dụng phần mềm giúp công tác kế toán được thực hiện thống nhất, thuận tiện trong theo dõi sổ sách và lập báo cáo tài chính.

MÃ	TÊN TÀI KHOẢN	NỢ DK	CÓ DK	PS NỢ	PS CÓ	NỢ CK	CÓ CK
0111	Tiền mặt	49.790.352	0	141.468.658.259.5300	135.528.680.824.5110	5.989.767.787.0190	0
01111	Tiền Việt Nam	49.790.352	0	141.468.658.259.5300	135.528.680.824.5110	5.989.767.787.0190	0
0112	Tiền gửi Ngân hàng	24.833.545	0	158.566.148.990	158.086.899.732	504.082.803	0
01121	Ngân hàng MB Bank	12.172.112	0	142.646.040.527	142.296.021.682	361.391.357	0
01122	Ngân hàng VNPAY	0	0	6.893.060.851	6.778.196.501	114.864.350	0
01123	Ngân hàng NCB - TK công ty	0	0	3.024.384.378	3.021.847.622	2.536.756	0
01124	Ngân hàng NCB - TK Thu chi	0	0	4.472.902.742	4.473.122.742	0	220.000
01125	Ngân hàng Public Bank	12.661.433	0	413.745.866	413.416.238	12.991.061	0
01126	Ngân hàng Sacombank	0	0	1.116.014.226	1.103.494.947	12.519.279	0
0131	Phải thu của khách hàng	0	0	17.495.607.555.2400	17.579.795.879	0	174.188.323.7600
01311	Phải thu của khách hàng VNPAY	0	0	7.106.629.293	7.106.629.293	0	0
01312	Phải thu của khách hàng	0	0	10.298.978.262.2400	10.473.166.586	0	174.188.323.7600
0133	Thuế GTGT được khấu trừ	0	0	11.004.394.194.2850	11.004.394.194	0.2850	0
01331	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	0	0	11.004.394.194.2850	11.004.394.194	0.2850	0
0156	Hàng hóa	80.527.800	0	137.233.631.697.7410	137.298.656.959.2560	15.561.738.4850	0
0211	Tài sản cố định	572.885.455	0	0	0	572.885.455	0
02111	TSCĐ hữu hình	572.885.455	0	0	0	572.885.455	0
0214	Hao mòn tài sản cố định	0	28.016.696	0	96.153.300	0	124.169.996
02141	Hao mòn TSCĐ hữu hình	0	28.016.696	0	96.153.300	0	124.169.996
0331	Phải trả cho người bán	1.243.955.706	0	146.937.586.556	146.759.931.157.6950	1.421.611.104.3050	0
0333	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	0	110.554.803	11.080.479.715	11.342.772.224.3200	0	372.847.112.3200
03331	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	0	11.098.597	10.977.623.709	11.064.342.800.3200	0	96.417.688.3200
033311	Thuế GTGT đầu ra	0	11.098.597	10.977.623.709	11.064.342.800.3200	0	96.417.688.3200
03334	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	99.456.006	99.456.006	274.429.424	0	274.429.424

Hình 1. Giao diện Phần mềm kế toán WINTAX của công ty

The screenshot displays the WINTAX accounting software interface. At the top, there is a navigation bar with various menu items like 'Kế toán', 'Bảng thông tin', 'Nhập phát sinh', etc. Below this, there's a 'Mới' (New) section with tabs for 'Loại' and 'Hủy bỏ'. The main area is a data entry form for a journal entry. It includes fields for 'Vào sổ' (Posting), 'Vào sổ và Tạo chứng từ mới' (Posting and Create new document), 'Loại CT' (Document type), 'Số HD' (Document number), 'Ngày HD' (Document date), 'Ngày CT' (Document date), 'Đối tác' (Counterparty), 'Số tiền' (Amount), 'Đơn vị' (Unit), 'Chỉ tiết phát sinh' (Posting details), 'Chứng từ gốc' (Original document), and 'Thống tin khác' (Other information). There are also buttons for 'Góp thuế vào giá trị' (Add tax to value) and 'Góp thuế vào giá trị' (Add tax to value). At the bottom, there's a status bar with various icons and text.

Hình 2. Giao diện nhập dữ liệu chi tiết của Phần mềm kế toán WINTAX



Sơ đồ 2.4. Sơ đồ ghi sổ kế toán trên phần mềm kế toán WINTAX

Ghi chú:

- Nhập liệu hằng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

- Trình tự ghi sổ

Khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán lập các chứng từ kế toán làm căn cứ ghi nhận. Các chứng từ này sau đó được tổng hợp theo từng loại để thuận tiện cho việc kiểm tra và nhập liệu.

Từ các chứng từ đã được tổng hợp, kế toán sử dụng máy vi tính để nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán WINTAX. Phần mềm sẽ tự động xử lý thông tin và ghi vào sổ kế toán chi tiết, sổ cái theo từng tài khoản. Trên cơ sở số liệu đã được ghi nhận, phần mềm tiếp tục tổng hợp và lập các báo cáo tài chính theo quy định. Số liệu giữa sổ kế toán và báo cáo tài chính luôn có sự liên kết và đối chiếu với nhau nhằm đảm bảo tính chính xác và thống nhất.

2.2.2.3. Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo TT133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 Bộ Tài Chính ban hành.

- Công ty sử dụng phần mềm hỗ trợ kế toán WINTAX và phần mềm hỗ trợ lập hóa đơn điện tử E-invoice.
- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Xác định giá vốn hàng hóa xuất kho bằng phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO).
- Phương pháp khấu hao TSCĐ tại Công ty: Phương pháp khấu hao đường thẳng.
- Thuế giá trị gia tăng áp dụng theo phương pháp khấu trừ.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.
- Kỳ kế toán theo năm.

2.3. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia

2.3.1. Kế toán các khoản doanh thu

2.3.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Nội dung kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia hoạt động trong lĩnh vực đại lý du lịch và điều hành tour nội địa nên doanh thu chính của Công ty chủ yếu phát sinh từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng như: tổ chức tour du lịch, đặt vé máy bay, đặt phòng khách sạn, dịch vụ vận chuyển và các dịch vụ liên quan khác.

- Công ty có 3 phương thức thanh toán:
 - + Thanh toán bằng tiền mặt: Khách hàng thực hiện thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt tại văn phòng công ty khi mua các loại vé tham quan lễ , thanh toán tiền tour du lịch. Sau khi nhận đủ số tiền, kế toán công ty sẽ lập Phiếu thu, đóng dấu xác nhận

và cung cấp hóa đơn hoặc vé (voucher) cho khách hàng. Phương thức này chủ yếu áp dụng cho khách hàng cá nhân hoặc khách du lịch trực tiếp tại khu vực Đà Nẵng.

+ Thanh toán bằng chuyển khoản ngân hàng: Khách hàng thực hiện chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng của công ty hoặc tài khoản người đại diện hợp pháp theo thông tin trên Phiếu xác nhận đặt dịch vụ (Booking). Phương thức này thường áp dụng cho các giao dịch từ xa, các hợp đồng tour lữ hành dài ngày có giá trị lớn. Sau khi hệ thống ngân hàng báo "Có", kế toán sẽ xác nhận thanh toán bằng cách gửi biên nhận điện tử hoặc hóa đơn GTGT qua email hoặc Zalo cho khách hàng.

+ Thanh toán qua ví điện tử và cổng thanh toán trực tuyến: Khách hàng sử dụng các ứng dụng như MoMo, ZaloPay, VNPAY hoặc quét mã QR ngân hàng để thanh toán nhanh khi đặt dịch vụ trực tuyến qua website. Phương thức này áp dụng cho các giao dịch mua vé tham quan và đặt dịch vụ nhanh, yêu cầu xác nhận ngay lập tức. Hệ thống của công ty sẽ tự động ghi nhận mã giao dịch và xuất mã vé điện tử (QR Code) gửi trực tiếp về thiết bị của khách hàng để sử dụng tại điểm đến.

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT

- Phiếu thu

c. Tài khoản và sổ sách kế toán

- Để phản ánh chính xác các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia đã sử dụng:

+ Tài khoản cấp 1: Tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

+ Tài khoản cấp 2: Tài khoản 5111 - “Doanh thu bán hàng hóa”

- Sổ sách theo dõi:

+ Sổ nhật ký chung tài khoản 511

+ Sổ chi tiết tài khoản 511

+ Sổ cái tài khoản 511

d. Nghiệp vụ phát sinh

Nghiệp vụ 1: Ngày 28/07/2025, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia Đà Nẵng đã cung cấp dịch vụ du lịch (gói dịch vụ Detox 2 dành cho người lớn) cho Công ty TNHH Niinuma Việt Nam. Dịch vụ được áp dụng thuế suất GTGT 8%, tổng giá trị thanh toán là 4.250.000 đồng.

➤ Sau khi công ty TNHH Niinuma Việt Nam đồng ý mua dịch vụ và chấp nhận thanh toán, kế toán tiến hành lập nhập liệu các thông tin liên quan đến nghiệp vụ trên phần mềm kế toán Wintax như: tên khách hàng, nội dung dịch vụ, giá trị thanh toán, thuế suất GTGT và hình thức thanh toán.

Kế toán

Bảng thống tin

Nhập phát sinh

Sổ phụ

Chứng từ gốc

CTG (2)

Khấu hao

Báo cáo

Tiền ích

Cấu hình

CTY TNHH TM DV&DL ASIA N2025

PHAN THỊ THUY LINH

Chứng từ gốc theo ngày CT

/ CT010361: 28/07/25 1C25MSA 1619 4.250.000 0108665779 CÔNG TY TN...

Sửa

Tác vụ

Hướng dẫn

1 / 1

Dự thảo

Đã vào sổ

Đặt lại

Phiếu xuất kho

Loại CT HDBR

Seri HD 1C25MSA

Số HD 1619

Ngày HD 28/07/25

Ngày CTừ 28/07/25

Đặt tác

CÔNG TY TNHH NIINUMA VIỆT NAM

Tầng 5, số 1 ngõ 15 Huỳnh Thúc Kháng, P. Giảng Võ, TP. Hà Nội,

Việt Nam – 0108665779

Tài khoản Nợ

1111 - Tiền Việt Nam

Tiền tệ

VND

Diễn giải

Bán hàng

Chỉ tiết phát sinh

Chứng từ gốc

Thông tin khác

#	Mã SP/DV	Diễn giải	TK nợ...	TK Có	DVT...	Số lượng...	Đơn giá	Thuế...	TK thuế...	Thành tiền	TK kho...	TK xuất kho...	Tiền thuế	Tổng c
1	[DV DET 2 DN NL] Gói dịch vụ Det...	Gói dịch vụ Detox 2 đã ngoại người lớn	1111	5111 - Doanh thu bán hàng h...	Gói	5	787.037.8%	33311	3.935.185.156	632	314.815	4.		
														4.
														4.

Góp thuế vào giá trị

Nhấn bán thành phiếu mới

Bảng kê

Tồn kho

Kết chuyển

Sổ chi tiết TK

In Chứng từ hàng loạt

Tính giá xuất kho

Cổng nợ 131

Cổng nợ 331

Tài liệu

Hình 3. Giao diện nhập liệu phần mềm của hóa đơn số 1619

- Sau khi kiểm tra tính chính xác của thông tin, kế toán thực hiện lập và xuất hóa đơn GTGT số 1619 cho khách hàng theo quy định.



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày (Date) 28 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1C25MSA
Số (No.): 1619

Đơn vị bán hàng (Issued) : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA**

Mã số thuế (Tax code) : **0 4 0 2 1 5 3 4 4 7**

Địa chỉ (Address) : **16 Thanh Lương 3, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Điện thoại (Tel) : **0905154351**

Số tài khoản (A/C No.) : **079.7777.9999 - Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Đà Nẵng**

Họ tên người mua hàng (Customer's name) :

Căn cước công dân (ID.) :

Tên đơn vị (Company's name) : **CÔNG TY TNHH NIINUMA VIỆT NAM**

Mã số thuế (Tax code) : **0108665779**

Địa chỉ (Address) : **Tầng 5, số 1 ngõ 15 Huỳnh Thúc Kháng, P. Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam**

Hình thức thanh toán (Payment method) : **Tiền mặt/Chuyển khoản**

Số tài khoản (A/C Bank) :

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of products services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Tổng tiền chiết khấu (Discount Amount)	Thành tiền trước thuế (Amount)	Thuế suất GTGT (%) (VAT Rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)	Thành tiền sau thuế GTGT (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7=4x5 - 6)	(8)	(9)	(10=7+9)
1	Gói dịch vụ Detox 2 đã ngoại người lớn	Gói	5	787.037		3.935.185	8%	314.815	4.250.000
Cộng tiền hàng (Summary):						3.935.185		314.815	4.250.000

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	3.935.185	314.815	4.250.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment)		3.935.185	314.815	4.250.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): **Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng**

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Buyer, sign and full name)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Seller, sign and full name)

Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG
MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA**
Ký ngày 28 tháng 07 năm 2025



Trang (page) 1 / 1

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã của cơ quan thuế: **M1-25-60ORQ-00000001619**

(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại tracuu.wininvoice.vn, mã tra cứu: **L4BXSPFJR**, mã công ty: **0402153447**)

(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

Hình 4. Hóa đơn GTGT số 1619

- Kế toán tiến hành lập phiếu thu số 10361 để xác nhận khoản tiền khách hàng đã thanh toán cho Công ty.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA Địa chỉ: Việt Nam Mã số thuế: 0402153447		Mẫu số 01 – TT (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)	
PHIẾU THU Ngày 28 tháng 07 năm 2025		Quyền số: Số: CT010361 Nợ: 1111 Có: 5111, 33311	
Họ và tên người nộp tiền: CÔNG TY TNHH NIINUMA VIỆT NAM Địa chỉ: Tầng 5, số 1 ngõ 15 Huỳnh Thúc Kháng, P. Giảng Võ, TP. Hà Nội, Việt Nam Lý do chi: Bán hàng Số tiền: 4.250.000đ (Viết bằng chữ): <i>Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng</i> Kèm theo: HĐ số 1619			
Ngày 28 tháng 07 năm 2025			
Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)
Thủ quỹ (Ký, họ tên)			
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng			

Hình 5. Phiếu thu số 10361

- **Nghiệp vụ 2:** Ngày 29/07/2025 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia đã cung cấp dịch vụ du lịch (Dịch vụ phổ thông) cho Khách lẻ Phan Thị Thu. Dịch vụ cung cấp với thuế suất GTGT 8%, tổng giá trị thanh toán là 3.501.000 đồng.

- Sau khi khách hàng Phan Thị Thu đồng ý mua dịch vụ và chấp nhận thanh toán, kế toán tiến hành lập nhập liệu các thông tin liên quan đến nghiệp vụ trên phần mềm kế toán Wintax như: tên khách hàng, nội dung dịch vụ, giá trị thanh toán, thuế suất GTGT và hình thức thanh toán.



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ngày (Date) 29 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1C25MSA
Số (No.): 1681

Đơn vị bán hàng (Issued) : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA
Mã số thuế (Tax code) : 0402153447
Địa chỉ (Address) : 16 Thanh Lương 3, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại (Tel) : 0905154351
Số tài khoản (A/C No.) : 079.7777.9999 - Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Đà Nẵng

Họ tên người mua hàng (Customer's name) : PHAN THỊ THU
Căn cước công dân (ID.) : 049300013915
Tên đơn vị (Company's name) :
Mã số thuế (Tax code) :
Địa chỉ (Address) : Mông Nghệ, Xã Xuân Phú, TP. Đà Nẵng
Hình thức thanh toán (Payment method) : Tiền mặt/Chuyển khoản
Số tài khoản (A/C Bank) :

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of products services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Tổng tiền chiết khấu (Discount Amount)	Thành tiền trước thuế (Amount)	Thuế suất GTGT (%) (VAT Rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)	Thành tiền sau thuế GTGT (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7=4x5 - 6)	(8)	(9)	(10=7+9)
1	Gói dịch vụ phổ thông người lớn	Gói	7	402.777,7		2.819.444	8%	225.556	3.045.000
2	Gói dịch vụ phổ thông trẻ em	Gói	2	211.111		422.222	8%	33.778	456.000
Cộng tiền hàng (Summary):						3.241.666		259.334	3.501.000

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	3.241.666	259.334	3.501.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment)		3.241.666	259.334	3.501.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Ba triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer, sign and full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller, sign and full name)

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH
ASIA
Ký ngày 29 tháng 07 năm 2025

Trang (page) 1 / 1

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã của cơ quan thuế: M1-25-60ORQ-00000001681

(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại tracuu.wininvoice.vn, mã tra cứu: 48BMM3GOJH, mã công ty: 0402153447)

(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

Hình 7. Hóa đơn GTGT số 1681

- Kế toán tiến hành lập phiếu thu số 10547 để xác nhận khoản tiền khách hàng đã thanh toán cho Công ty.

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH
ASIA**

Địa chỉ: Việt Nam

Mã số thuế: 0402153447

Mẫu số 01 – TT

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU THU

Ngày 29 tháng 07 năm 2025

Quyển số:

Số: CT010547

Nợ: 1111

Có: 5111, 33311

Họ và tên người nộp tiền: PHAN THỊ THU

Địa chỉ: Mông Nghệ, xã Xuân Phú, TP. Đà Nẵng

Lý do chi: Bán hàng

Số tiền: **3.501.000đ**

(Viết bằng chữ): *Ba triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng*

Kèm theo: HD số 1681

Ngày 29 tháng 07 năm 2025

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Ba triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng

Hình 8. Phiếu thu số 10547

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT và phiếu thu, kế toán thực hiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ và thuế GTGT đầu ra phải nộp. Đồng thời phần mềm tự động cập nhật số liệu vào Nhật ký chung, Sổ chi tiết tài khoản và Sổ Cái tài khoản 511.

Địa chỉ : Việt Nam

Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
02/01/25	PT000002	02/01/25	Bán hàng	1111		628,000
02/01/25	PT000002	02/01/25	Bán hàng	1111		340,000
02/01/25	PT000003	02/01/25	Bán hàng	1111		3,054,000
02/01/25	PT000004	02/01/25	Bán hàng	1111		4,072,000
---	---	---				
01/04/25	PT001192	01/04/25	Bán hàng	1111		694,000
01/04/25	PT001192	01/04/25	Bán hàng	1111		2,316,000
01/04/25	PT001192	01/04/25	Bán hàng	1111		620,000
01/04/25	PT001192	01/04/25	Bán hàng	1111		217,000
---	---	---				
28/07/25	PT003215	28/07/25	Bán hàng	1111		280,000
28/07/25	PT003216	28/07/25	Bán hàng	1111		3,935,185
28/07/25	PT003217	28/07/25	Bán hàng	1111		250,000
29/07/25	PT003254	29/07/25	Bán hàng	1111		516,000
29/07/25	PT003254	29/07/25	Bán hàng	1111		2,580,000
---	---	---				
29/07/25	PT003256	29/07/25	Bán hàng	1111		2,819,444
29/07/25	PT003256	29/07/25	Bán hàng	1111		422,222
---	---	---				
31/12/25	PT006949	31/12/25	Bán hàng	1111		4,330,000
31/12/25	PT006949	31/12/25	Bán hàng	1111		699,000
31/12/25	PT006950	31/12/25	Bán hàng	1111		819,000
31/12/25	PT006951	31/12/25	Bán hàng	1111		3,276,000
31/12/25	CT078747	31/12/25	KC số dư tài khoản 5111 sang 911	911	138,281,725,536	
			Cộng phát sinh		138,281,725,536	138,281,725,536
			Số dư cuối kỳ			
				<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>		
Người lập			Kế toán trưởng		Giám đốc	

Hình 9. Trích sổ Chi tiết tài khoản 5111

Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia chủ yếu phát sinh từ tiền lãi gửi ngân hàng.

b. Chứng từ sử dụng

Phiếu báo có

Sổ phụ tài khoản tiền gửi

c. Tài khoản và sổ sách kế toán

- Để phản ánh chính xác các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu hoạt động tài chính, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia đã sử dụng Tài khoản 515 - “Doanh thu hoạt động tài chính”

- Sổ sách theo dõi:

+ Sổ nhật ký chung tài khoản 515

+ Sổ chi tiết tài khoản 515

+ Sổ cái tài khoản 515

d. Nghiệp vụ phát sinh

Nghiệp vụ 1: Ngày 26/07/2025 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia nhận được giấy báo có của ngân hàng TMCP Quân Đội về lãi không kỳ hạn.

STT	Ngày GD Transaction Date	Ngày hiệu lực Value Date	Mã GD Trade No	Số bút toán Transaction No	Tài khoản hướng/chuyển Account No.	Nội dung Description	Người thụ hưởng/chuyển Beneficiary/ transferee	Ngân hàng thụ hưởng/chuyển Beneficiary/ transferring bank	Phát sinh Nợ/Debit	Phát sinh Có/Credit	Số dư Balance
8	25/03/2025 22:29:00	25/03/2025	381	197977779999- 20250325		TRA LAI KKH			0.00	296.00	1,000,296.00
9	26/04/2025 00:20:00	25/04/2025	381	197977779999- 20250425		TRA LAI KKH			0.00	340.00	1,000,636.00
10	24/05/2025 22:07:00	24/05/2025	381	197977779999- 20250525		TRA LAI KKH			0.00	329.00	1,000,965.00
11	25/06/2025 23:40:00	25/06/2025	381	197977779999- 20250625		TRA LAI KKH			0.00	340.00	1,001,305.00
12	18/07/2025 13:26:00	18/07/2025	246	FT251994B05Y	0905154351	nap vào cty	MBBANK IBFT	NH TMCP Quân Đội	0.00	433,000,000.00	434,001,305.00
13	18/07/2025 13:36:00	18/07/2025	418	FT25199LCMMT	100012987913	Asia 80030359 -CONG TY TNHH TAP DOAN SUN WORLD-100012987913	CONG TY TNHH TAP DOAN SUN WORLD	Ngân hàng TMCP Quốc Dân-Chi nhánh Đà Nẵng	400,000,000.00	0.00	34,001,305.00
14	18/07/2025 13:37:00	18/07/2025	339	FT25199NBR58	113682607979	CK NHANH LNH 247 A sia 18/7/2025		NH TMCP Công Thương Việt Nam	33,000,000.00	0.00	1,001,305.00
15	26/07/2025 01:16:00	25/07/2025	381	197977779999- 20250725		TRA LAI KKH			0.00	329.00	1,001,634.00
16	26/07/2025 04:05:00	26/07/2025	213	FT25207WT250	171860259237	129254034978- Thu lai thu chi 129254034978	CONG TY TNHH TM DV VA DL ASIA	Ngân hàng TMCP Quốc Dân-Chi nhánh Đà Nẵng	1,001,634.00	0.00	0.00
17	28/07/2025 13:43:00	28/07/2025	246	FT25209LL2XV	07977779999	nap tra lai thu chi	MBBANK IBFT	NH TMCP Quân Đội	0.00	1,000,000.00	1,000,000.00
18	29/07/2025 06:45:00	28/07/2025	753	PDPD25207P95C6;4		Phat lai qua han HDV			289.00	0.00	999,711.00
19	29/07/2025 06:45:00	28/07/2025	751	PDPD25207P95C6;4		Thu lai HDV			527,227.00	0.00	472,484.00
20	25/08/2025 23:33:00	25/08/2025	381	197977779999- 20250825		TRA LAI KKH			0.00	150.00	472,634.00
21	26/08/2025 02:45:00	26/08/2025	213	FT25238MCG0H	171860259237	129254034978- Thu lai thu chi 129254034978	CONG TY TNHH TM DV VA DL ASIA	Ngân hàng TMCP Quốc Dân-Chi nhánh Đà Nẵng	472,634.00	0.00	0.00
22	29/10/2025 08:44:00	29/10/2025	246	FT25302CX1Y	07977779999	thanh toán lai vay thu chi	MBBANK IBFT	NH TMCP Quân Đội	0.00	2,000,000.00	2,000,000.00

Hình 11. Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn

Nghiệp vụ 2: Ngày 31/07/2025 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia nhận được giấy báo có của ngân hàng TMCP Quân Đội về lãi nhập gốc.

Page/Trang: 3 Date printed/ Ngày in: 24/03/2024 08:58:43 AM
0409000002098 REF00003604

130/06/2025 000003604	10,000		23,450,695	
130/06/2025 000037220	9,000		23,441,695	FEE EBANK SERVICE CHARGE/THU PHI DỊCH VỤ EBANK:
				AC/TK 0409000002098, EBANK CHARGE=9900
				REF000037220
130/06/2025 000037220	900		23,440,795	
130/06/2025 000049443		2,299	23,443,084	CREDIT INTEREST/NHẬP LẠI VAO GOC: AC/TK
				0409000002098 REF000049443
115/07/2025 000006710	6,700,000		16,943,084	REPAY/THANH TOAN HO: FL/PH 0400550024046,
				INTEREST/LAI 2,205,723.00, PRINCIPAL/GOC 6,700
				,000.00. INCLUDING/TRONG DO(DUE:2,205,723.00,
				LATE:0.00, OVD:0.00, PEN:0.00) REF000006710
115/07/2025 000006710	2,205,723		14,737,361	
131/07/2025 000032442	9,000		14,728,361	FEE EBANK SERVICE CHARGE/THU PHI DỊCH VỤ EBANK:
				AC/TK 0409000002098, EBANK CHARGE=9900
				REF000032442
11/07/2025 000044542		1,593	14,729,954	CREDIT INTEREST/NHẬP LẠI VAO GOC: AC/TK
115/08/2025 000006910	2,234,293		12,494,761	REPAY/THANH TOAN HO: FL/PH 0400550024046,
				INTEREST/LAI 2,234,293.00, PRINCIPAL/GOC 0.00.
				INCLUDING/TRONG DO(DUE:2,234,293.00, LATE:0.00,
				OVD:0.00, PEN:0.00) REF000006910
122/08/2025 010031659		5,000,000	17,494,761	Nhap tra no vay REF010031659
122/08/2025 000006986	6,700,000		10,794,761	REPAY/THANH TOAN HO: FL/PH 0400550024046,
				INTEREST/LAI 0.00, PRINCIPAL/GOC 6,700,000.00.
				INCLUDING/TRONG DO(DUE:0.00, LATE:0.00, OVD:0.00,
				PEN:0.00) REF000006986
131/08/2025 000032709	9,000		10,785,761	FEE EBANK SERVICE CHARGE/THU PHI DỊCH VỤ EBANK:
				AC/TK 0409000002098, EBANK CHARGE=9900
				REF000032709
131/08/2025 000032709	900		10,784,861	
131/08/2025 000044912		1,100	10,785,961	CREDIT INTEREST/NHẬP LẠI VAO GOC: AC/TK
				0409000002098 REF000044912
115/09/2025 010037997		8,900,000	19,685,961	Nhap tra no vay REF010037997
115/09/2025 000006986	6,700,000		12,985,961	REPAY/THANH TOAN HO: FL/PH 0400550024046,
				INTEREST/LAI 2,204,565.00, PRINCIPAL/GOC 6,700
				,000.00. INCLUDING/TRONG DO(DUE:2,199,490.00,
				LATE:0.00, OVD:5,075.00, PEN:0.00) REF000006986
115/09/2025 000006986	2,199,490		10,786,471	
115/09/2025 000006986	5,075		10,781,396	
130/09/2025 000033617	9,000		10,772,396	FEE EBANK SERVICE CHARGE/THU PHI DỊCH VỤ EBANK:
				AC/TK 0409000002098, EBANK CHARGE=9900
				REF000033617
130/09/2025 000033617	900		10,771,496	

Hình 12. Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn

- Căn cứ vào sổ phụ tài khoản tiền gửi, kế toán tiến hành nhập số liệu vào phần mềm kế toán WINTAX. Đồng thời phần mềm tự động cập nhật số liệu vào Nhật ký chung, Sổ chi tiết tài khoản và Sổ Cái tài khoản 515.

- Phiếu báo có

c. Tài khoản và sổ sách kế toán

- Để phản ánh chính xác các nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia đã sử dụng Tài khoản 711 - “Thu nhập khác”

- Sổ sách theo dõi:

+ Sổ nhật ký chung tài khoản 711

+ Sổ chi tiết tài khoản 711

+ Sổ cái tài khoản 711

d. Nghiệp vụ phát sinh

Ngày 27/08/2025, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia có phát sinh một giao dịch chuyển khoản không thể hiện rõ nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán tiền hành kiểm tra và tạm ghi nhận vào thu nhập khác của công ty.

➤ Sau khi kiểm tra và căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng, kế toán thực hiện nhập liệu nghiệp vụ trên phần mềm kế toán WINTAX.

**PHIẾU BÁO CÓ**

Ngày/Date:27/08/2025

Nguyên tệ/Currency:VND

Tên Khách hàng/Customer Name:CONG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA

Số tài khoản/Account No:07977779999

MST KH/Tax code:0402153447

Mã GD: FT25239327390344

GĐV/Teller: 93939_JMSONLINE.1_OFS_DECRY.TELNET

Chi nhánh/Branch: HOI SO

Thông tin báo :		Số tiền :	Loại tiền :
Tài khoản có:	07977779999	6,000	VND
Tài khoản nợ:	106883611653	6,000	VND
NGUOI PHAT LENH: HO THI NGOC TRINH			
TEN NGAN HANG: VIETIN			
Bảng chữ:	Sáu nghìn đồng		
Thu phí	Phí:	0	
	VAT:	0	
	Tổng phí :	0	
	Bảng chữ:		
Diễn giải:	HO THI NGOC TRINH chuyen tien Ma giao dich Trace533793 Trace 533793		

Lập biểu

Kiểm soát

Chứng từ này được xuất tự động từ hệ thống ngân hàng điện tử BIZ MBBank của Ngân hàng TMCP Quân đội.

Hình 15. Phiếu báo có của ngân hàng

Kế toán | Bảng thông tin | Nhập phát sinh | Sổ phụ | Chứng từ gốc | CTG (2) | Khấu hao | Báo cáo | Tiền ích | Cấu hình | CTY TNHH TM DV&DL ASIA-N2025 | PHAN THI THUY LINH

Chứng từ gốc theo ngày CT / CT056388: 27/08/25 6.000 HỒ THỊ NGỌC TRINH

[Sửa](#) [Tác vụ](#) [Hướng dẫn](#) 1/1 < >

[Đặt lại](#) [Dự thảo](#) [Đã vào sổ](#)

Loại CT CTNH Seri HD Số HD Ngày HD 27/08/25 Ngày CT 27/08/25

Đổi tác HỒ THỊ NGỌC TRINH Tài khoản Nợ 1121 - Ngân hàng MB Bank

Số tiền 6.000 Tài khoản Có 711 - Thu nhập khác

Diễn giải Hồ Thị Ngọc Trinh chuyển tiền Tiền tệ VND

[Chi tiết phát sinh](#) [Chứng từ gốc](#) [Thông tin khác](#)

Gộp thuế vào giá trị

[Nhận bản thành phiếu mới](#) [Bảng kê](#) [Tồn kho](#) [Kế chuyển](#) [Sổ chi tiết TK](#) [In Chứng từ hàng loạt](#) [Tinh giá xuất kho](#) [Công nợ 131](#) [Công nợ 331](#)

[Tài liệu](#)

Hình 16. Giao diện nhập liệu phần mềm

- Sau khi nhập liệu trên phần mềm kế toán, đồng thời phần mềm tự động cập nhật số liệu vào Nhật ký chung, Sổ chi tiết tài khoản và Sổ Cái tài khoản 711.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA						
Mã số thuế : 0402153447						
Địa chỉ : Việt Nam						
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN						
Mã hiệu : 711 - THU NHẬP KHÁC						
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
27/08/25	CT056388	27/08/25	Hồ Thị Ngọc Trinh chuyển tiền	1121		6,000
31/12/25	CT078757	31/12/25	KC số dư tài khoản 711 sang 911	911	6,000	
			Cộng phát sinh		6,000	6,000
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			
Người lập				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
				Kế toán trưởng		
				Giám đốc		

Hình 17. Trích sổ Chi tiết tài khoản 711

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH
ASIA

Mã số thuế : 0402153447

Địa chỉ : 16 Thanh Lương 3, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 711 - Thu nhập khác

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
27/08/25	CT056388	27/08/25	Hồ Thị Ngọc Trinh chuyển tiền	1121		6,000
31/12/25	CT078757	31/12/25	KC số dư tài khoản 711 sang 911	911	6,000	
			Cộng phát sinh		6,000	6,000
			Số dư cuối kỳ			
				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc		

Hình 18. Trích Sổ Cái tài khoản 711

2.3.2. Kế toán các khoản chi phí

2.3.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

a. Nội dung của giá vốn hàng bán tại công ty

Tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia, giá vốn bán hàng là toàn bộ chi phí trực tiếp để thực hiện dịch vụ du lịch đã bán cho khách hàng trong kỳ kế toán.(Chi phí chủ yếu là chi phí mua vé)

b. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho

c. Tài khoản và sổ sách kế toán

- Để phản ánh chính xác các nghiệp vụ liên quan đến giá vốn hàng bán, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia đã sử dụng tài khoản 632 - “Giá vốn hàng bán”

- Sổ sách theo dõi:

- + Sổ nhật ký chung tài khoản 632
- + Sổ chi tiết tài khoản 632
- + Sổ cái tài khoản 632

d. Nghiệp vụ phát sinh

Công ty áp dụng phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO) để tính giá xuất kho hàng hóa. Theo phương pháp này, hàng hóa nhập kho trước được ưu tiên xuất

trước. Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng theo hóa đơn GTGT số 1619 và hóa đơn GTGT số 1681, kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT để lập phiếu xuất kho => Phần mềm kế toán sẽ tự động tính giá vốn hàng bán theo phương pháp FIFO và ghi nhận:

- Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 156 - Hàng hóa

□ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA

Địa chỉ: Việt Nam

Mã số thuế: 0402153447

Mẫu số 02-VT

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 28 tháng 07 năm 2025

Số: CT010363

Nợ: 632

Có: 156

Họ và tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH NIINUMA VIỆT NAM

Địa chỉ (bộ phận):

Theo HĐ số 1619 Ngày 28/07/2025

Lý do xuất kho: P XK HĐ CT010361

Xuất tại kho công ty

Địa điểm:

STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gói dịch vụ Detox 2 đã ngoại người lớn	DV DET 2 DN NL	Gói	5	612.963	3.064.815
TỔNG CỘNG				5		3.064.815

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Ba triệu sáu mươi bốn nghìn tám trăm mười lăm đồng

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 28 tháng 07 năm 2025

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên) (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)

Kế toán trưởng

Lê Mỹ Liên

□ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA

Địa chỉ: Việt Nam

Mã số thuế: 0402153447

Mẫu số 02-VT

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

Hình 19. Phiếu xuất kho theo Hóa đơn số 1619

☐ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA

Địa chỉ: Việt Nam

Mã số thuế: 0402153447

Mẫu số 02-VT

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 29 tháng 07 năm 2025

Số: CT010549

Nợ: 632

Có: 156

Họ và tên người nhận hàng: PHAN THỊ THU

Địa chỉ (bộ phận):

Theo HĐ số 1681 Ngày 29/07/2025

Lý do xuất kho: PXX HĐ CT010547

Xuất tại kho công ty

Địa điểm:

STT	Tên vật tư hàng hóa	Mã VTHH	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gói dịch vụ phổ thông người lớn	DV PTHONG NL400	Gói	7	400.000	2.800.000
2	Gói dịch vụ phổ thông trẻ em	DV PTHONG TE200	Gói	2	200.000	400.000
TỔNG CỘNG				9		3.200.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Ba triệu hai trăm nghìn đồng

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 29 tháng 07 năm 2025

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên) (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)

Kế toán trưởng

Hình 20. Phiếu xuất kho theo Hóa đơn số 1681

- Sau khi kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm, hệ thống tự động đồng thời tự động cập nhật số liệu vào Nhật ký chung, Sổ chi tiết tài khoản và Sổ Cái tài khoản 632.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA						
Mã số thuế : 0402153447						
Địa chỉ : Việt Nam						
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN						
Mã hiệu : 632 - GIẢ VỐN HÀNG BÁN						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
02/01/25	CT005938	02/01/25	Bán hàng	156	618,056	
02/01/25	CT005938	02/01/25	Bán hàng	156	340,278	
02/01/25	CT005947	02/01/25	Bán hàng	156	3,850,000	
02/01/25	CT005941	02/01/25	Bán hàng	156	3,041,667	
02/01/25	CT005944	02/01/25	Bán hàng	156	4,055,555	
...	...	...				
28/07/25	CT010360	28/07/25	Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ HĐ 1618	156	275,000	
28/07/25	CT010363	28/07/25	Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ HĐ 1619	156	3,064,815	
28/07/25	CT010372	28/07/25	PXK HĐ CT010370	156	14,026,425	
28/07/25	CT010372	28/07/25	PXK HĐ CT010370	156	3,518,470	
28/07/25	CT010372	28/07/25	PXK HĐ CT010370	156	4,534,614	
...	...	...				
29/07/25	CT010567	29/07/25	Bán hàng	156	1,122,141	
29/07/25	CT010567	29/07/25	Bán hàng	156	235,158	
29/07/25	CT010549	29/07/25	Bán hàng	156	2,800,000	
29/07/25	CT010549	29/07/25	Bán hàng	156	400,000	
29/07/25	CT010552	29/07/25	Bán hàng	156	4,400,000	
29/07/25	CT010552	29/07/25	Bán hàng	156	600,000	
...	...	...				
31/12/25	CT061427	31/12/25	PXK HĐ CT061426	156	6,111,111	
31/12/25	CT061427	31/12/25	PXK HĐ CT061426	156	9,800,000	
31/12/25	CT061427	31/12/25	PXK HĐ CT061426	156	648,148	
31/12/25	CT061429	31/12/25	PXK HĐ CT061428	156	3,200,000	
31/12/25	CT061431	31/12/25	PXK HĐ CT061430	156	2,400,000	
31/12/25	CT078743	31/12/25	KC số dư tài khoản 632 sang 911	911		136,077,688,151
			Cộng phát sinh		136,077,688,151	136,077,688,151
			Số dư cuối kỳ			

Hình 21. Trích Sổ Chi tiết tài khoản 632

[illegible]

2.3.2.2. Kế toán chi phí tài chính

Tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ và Du lịch Asia, chi phí tài chính chủ yếu là chi phí lãi vay ngân hàng phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT của ngân hàng
- Phiếu kế toán

c. Tài khoản và sổ sách kế toán

- Để phản ánh chính xác các nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia đã sử dụng tài khoản 635 - “Chi phí tài chính”

- Sổ sách theo dõi:

- + Sổ nhật ký chung tài khoản 635
- + Sổ chi tiết tài khoản 635
- + Sổ cái tài khoản 635

d. Nghiệp vụ phát sinh

Ngày 15/07/2025, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia nhận được hóa đơn GTGT số 11694 từ ngân hàng Public về khoản lãi vay ngân hàng phát sinh trong kỳ với số tiền 2.205.723 VNĐ.



Mẫu số 1
Ký hiệu: K25TDB
Số: 11694

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 15 tháng 07 năm 2025

MCCQT:

Tên người bán: NGÂN HÀNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN PUBLIC VIỆT NAM
CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Mã số thuế: 0100112733-002

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0402153447

Mã ĐVCQHVNSSN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1			LAI VAY					KCT	2.205.723

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	2.205.723
			Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	0
			Tổng tiền phí	
			Tổng tiền chiết khấu thương mại	
			Tổng tiền thanh toán bằng số	2.205.723
			Tổng tiền thanh toán bằng chữ	

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Thông tin quan trọng cho người nước ngoài

- Bạn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/05/2014; Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính để được hoàn thuế GTGT;
- Bạn phải làm thủ tục hoàn thuế trong vòng 60 ngày kể từ ngày mua hàng (kể từ ngày phát hành hóa đơn)
- Bạn được hoàn thuế GTGT khi đi đường hàng không/đường biển tại sân bay quốc tế/cảng biển quốc tế

Hình 23. Hóa đơn GTGT số 11694

- Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT của ngân hàng để nhập liệu vào phần mềm kế toán và ghi nhận chi phí tài chính.

The screenshot displays a web-based accounting application. At the top, a navigation bar includes menu items like 'Kế toán', 'Bảng thông tin', 'Nhập phát sinh', 'Sổ phụ', 'Chứng từ gốc', 'CTG (2)', 'Khấu hao', 'Bảo cáo', 'Tiền ích', 'Cấu hình', and a user profile for 'PHAN THI THUY LINH'. The main header area shows 'Chứng từ gốc theo ngày CT / CT072774: 15/07/25 2.205.723 Ngân hàng Public Bank Việt Nam' with buttons for 'Sửa' and 'Tác vụ'. Below this is a yellow warning banner about creating a new bill. The form fields are organized into sections: 'Loại CT CTNH', 'Seri HB', 'Số HD', 'Ngày HB', and 'Ngày CT' are all set to '15/07/25'. The 'Đối tác' field is 'Ngân hàng Public Bank Việt Nam'. The 'Số tiền' is '2.205.723' and the 'Diễn giải' is 'lãi vay'. On the right, there are fields for 'Tài khoản Nợ' (635 - Chi phí tài chính), 'Tài khoản Có' (1125 - Ngân hàng Public Bank), and 'Tiền tệ' (VND). A bottom navigation bar contains various icons for different accounting functions. A 'Tải liệu' button is visible in the bottom right corner.

Hình 24. Giao diện phần mềm nhập liệu hóa đơn số 11694

- Sau khi dữ liệu được cập nhật vào phần mềm kế toán, hệ thống sẽ tự động phản ánh nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết tài khoản và Sổ Cái tài khoản 635.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA

Mã số thuế : 0402153447

Địa chỉ : Việt Nam

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 635 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
15/01/25	CT072744	15/01/25	lãi vay	1125	2,548,973	
15/02/25	CT072749	15/02/25	lãi vay	1125	2,504,019	
17/03/25	CT072754	17/03/25	lãi vay	1125	2,221,090	
15/04/25	CT072759	15/04/25	lãi vay	1125	2,414,110	
15/05/25	CT072764	15/05/25	lãi vay	1125	2,292,732	
15/06/25	CT072769	15/06/25	lãi vay	1125	2,324,202	
15/07/25	CT072774	15/07/25	lãi vay	1125	2,205,723	
26/07/25	CT072600	26/07/25	thu lãi thấu chi	1123	1,001,634	
29/07/25	CT072602	29/07/25	thu lãi	1123	527,227	
15/08/25	CT072777	15/08/25	lãi vay	1125	2,234,293	
26/08/25	CT072603	26/08/25	thu lãi thấu chi	1123	472,634	
30/08/25	CT072319	30/08/25	thu lãi	1124	801,899	
15/09/25	CT072784	15/09/25	thanh toán nợ	1125	2,204,565	
27/09/25	CT072322	27/09/25	thu lãi	1124	184	
15/10/25	CT072789	15/10/25	lãi vay	1125	2,075,211	
29/10/25	CT072605	29/10/25	thu lãi	1123	1,871,215	
18/11/25	CT072794	18/11/25	lãi vay	1125	2,102,969	
26/11/25	CT072631	26/11/25	thu lãi thấu chi	1123	7,099	
---	---	---				
16/12/25	CT072802	16/12/25	lãi vay	1125	66,998	
26/12/25	CT072705	26/12/25	thu lãi thấu chi	1123	156,072	
29/12/25	CT072707	29/12/25	thu lãi	1123	728,838	
31/12/25	CT078783	31/12/25	KC số dư tài khoản 635 sang 911	911		40,980,422
			Cộng phát sinh		40,980,422	40,980,422
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hình 25. Trích Sổ Chi tiết tài khoản 635

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA				Mẫu số S03b-DN		
Mã số thuế : 0402153447				(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC		
Địa chỉ : 16 Thanh Lương 3, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam				Ngày 26/08/2016 Bộ Tài Chính)		
SỔ CÁI TÀI KHOẢN						
Mã hiệu : 635 - Chi phí tài chính						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
15/01/25	CT072744	15/01/25	lãi vay	1125	2,548,973	
15/02/25	CT072749	15/02/25	lãi vay	1125	2,504,019	
17/03/25	CT072754	17/03/25	lãi vay	1125	2,221,090	
15/04/25	CT072759	15/04/25	lãi vay	1125	2,414,110	
15/05/25	CT072764	15/05/25	lãi vay	1125	2,292,732	
15/06/25	CT072769	15/06/25	lãi vay	1125	2,324,202	
15/07/25	CT072774	15/07/25	lãi vay	1125	2,205,723	
26/07/25	CT072600	26/07/25	thu lãi thấu chi	1123	1,001,634	
29/07/25	CT072602	29/07/25	thu lãi	1123	527,227	
15/08/25	CT072777	15/08/25	lãi vay	1125	2,234,293	
26/08/25	CT072603	26/08/25	thu lãi thấu chi	1123	472,634	
30/08/25	CT072319	30/08/25	thu lãi	1124	801,899	
15/09/25	CT072784	15/09/25	thanh toán nợ	1125	2,204,565	
27/09/25	CT072322	27/09/25	thu lãi	1124	184	
15/10/25	CT072789	15/10/25	lãi vay	1125	2,075,211	
---	---	---				
16/12/25	CT072802	16/12/25	lãi vay	1125	66,998	
26/12/25	CT072705	26/12/25	thu lãi thấu chi	1123	156,072	
29/12/25	CT072707	29/12/25	thu lãi	1123	728,838	
31/12/25	CT078783	31/12/25	KC số dư tài khoản 635 sang 911	911		40,980,422
			Cộng phát sinh		40,980,422	40,980,422
			Số dư cuối kỳ			
				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc		

Hình 26. Trích Sổ Cái tài khoản 635

2.3.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh tại công ty

Chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia là các khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý và điều hành chung của công ty như chi phí khấu hao tài sản cố định, các khoản trích theo lương, tiền lương nhân viên văn phòng, điện nước, internet, xăng dầu và các chi phí hành chính khác.

b. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán, hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,...

c. Tài khoản và sổ sách kế toán

- Để phản ánh chính xác các nghiệp vụ liên quan đến chi phí quản lý kinh doanh, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia đã sử dụng tài khoản 642 - “Chi phí quản lý kinh doanh” và tài khoản cấp 2:

+ TK 6421: Chi phí bán hàng

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia thực hiện chính sách kế toán theo thông tư 133/2016/TT-BTC, chi phí quản lý kinh doanh được theo dõi chủ yếu trên TK 6421. Do đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ du lịch và bán vé, các khoản chi phí quản lý phát sinh không nhiều và không quá phức tạp. Vì vậy, việc tập hợp chi phí trên TK 6421 vẫn đáp ứng được yêu cầu quản lý, theo dõi chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Sổ sách theo dõi:

- + Sổ nhật ký chung tài khoản 642
- + Sổ chi tiết tài khoản 642
- + Sổ cái tài khoản 642

d. Nghiệp vụ phát sinh

Ngày 31/07/2025, kế toán căn cứ vào bảng lương và các khoản trích theo lương của nhân viên để lập phiếu kế toán ghi nhận chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA
Địa chỉ: 16 Đường Thanh Lương 3, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG DÀI HẠN

Tháng 07 năm 2025

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Ngày công	Lương thực tế	Công ty đóng				Các khoản trích trừ vào lương				Hỗ trợ miễn thuế TNCN		Các khoản Hỗ trợ chịu thuế TNCN			Lương thực nhận
						BHXH (17.5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Cộng	BHXH (8%)	BHYT (1.5%)	BHTN (1%)	Cộng	Tiền án ca	Đóng phục	Điện thoại	HT nhà ở	Xăng xe	
01	Nguyễn Thiệu Ngọc Quang	QL	5,000,000	26	5,000,000	875,000	150,000	50,000	1,075,000	400,000	75,000	50,000	525,000	780,000	400,000	200,000	1,000,000	400,000	7,255,000
02	Trần Lê Thị Minh Huyền	nvkd	5,000,000	26	5,000,000	875,000	150,000	50,000	1,075,000	400,000	75,000	50,000	525,000	780,000	400,000	200,000	1,000,000	400,000	7,255,000
03	Lương Thu Thủy	ql	7,000,000	26	7,000,000	1,225,000	210,000	70,000	1,505,000	560,000	105,000	70,000	735,000	780,000	400,000	200,000	1,000,000	400,000	9,045,000
Tổng			17,000,000	78	17,000,000	2,975,000	510,000	170,000	3,655,000	1,360,000	255,000	170,000	1,785,000	2,340,000	1,200,000	600,000	3,000,000	1,200,000	23,555,000

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 07 năm 2025

Giám đốc Công ty
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 27. Bảng lương nhân viên tháng 07

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA

Địa chỉ: Việt Nam

Mã số thuế: 0402153447

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 07 năm 2025

Số phiếu: **CT072721**

STT	Diễn giải	Tài khoản ghi		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Trích BHXH vào phí	6421	3383	3.655.000
2	Trích BHXH vào phí	334	3383	1.785.000
Tổng cộng				5.440.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Năm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng

Số chứng từ gốc kèm theo:

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc công ty
(Ký, họ tên)

Hình 28. Phiếu kế toán các khoản trích theo lương tháng 7

- Sau khi kế toán cập nhật số liệu vào phần mềm kế toán, hệ thống sẽ tự động phản ánh nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết tài khoản và Sổ Cái tài khoản 642.

[illegible]

2.3.2.4. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của công ty.

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT đầu vào

c. Tài khoản và sổ sách kế toán

- Để phản ánh chính xác các nghiệp vụ liên quan đến chi phí khác, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia đã sử dụng tài khoản 811 - “Chi phí khác”

- Sổ sách theo dõi:

+ Sổ nhật ký chung tài khoản 811

+ Sổ chi tiết tài khoản 811

+ Sổ cái tài khoản 811

d. Nghiệp vụ phát sinh

Ngày 28/07/2025, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia nhận được hóa đơn GTGT từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Dân về khoản phạt lãi vay quá hạn với số tiền 289 đồng.



Mẫu số 1
Ký hiệu: K25TAG
Số: 63593

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 28 tháng 07 năm 2025

MCCQT:

Tên người bán: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC DÂN - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Mã số thuế: 1700169765-003

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIAASIA TOURISM AND
TRADE SERVICE COMPANY LIMITED

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0402153447

Mã ĐVCQHVNSSN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số hàng kê:

Ngày hàng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1			THU LAI C HO VAY		1			KCT	289

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	289
	Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	0
	Tổng tiền phí	
	Tổng tiền chiết khấu thương mại	
	Tổng tiền thanh toán bằng số	289
	Tổng tiền thanh toán bằng chữ	

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Thông tin quan trọng cho người nước ngoài

- Bạn phải đáp ứng đầy đủ điều kiện tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/05/2014; Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 72/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính để được hoàn thuế GTGT;
- Bạn phải làm thủ tục hoàn thuế trong vòng 60 ngày kể từ ngày mua hàng (kể từ ngày phát hành hóa đơn)
- Bạn được hoàn thuế GTGT khi đi đường hàng không/đường biển tại sân bay quốc tế/cảng biển quốc tế

Hình 31. Hóa đơn GTGT số 63593

- Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT của ngân hàng để nhập liệu vào phần mềm kế toán và ghi nhận chi phí khác.

The screenshot shows the 'Kế toán' (Accounting) module of a software application. The main form is titled 'Chứng từ gốc theo ngày CT / CT072601: 29/07/25 289 NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC DÂN...'. Below the title, there are buttons for 'Sửa' (Edit), 'Tác vụ' (Action), and 'Hướng dẫn' (Help). A message box asks if the user wants to create a new bill. The form fields include 'Loại CT CTNH', 'Seril HD', 'Số HD', 'Ngày HD', and 'Ngày CT'. The 'Đối tác' (Counterparty) field is set to 'NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC DÂN - TK CTY'. The 'Số tiền' (Amount) field is set to '289'. The 'Diễn giải' (Description) field is set to 'phat lai quan hạn'. The 'Tài khoản Nợ' (Debit Account) is '811 - Chi phí khác', and the 'Tài khoản Có' (Credit Account) is '1123 - Ngân hàng NCB - TK công ty'. The 'Tiền tệ' (Currency) is 'VND'. There are tabs for 'Chi tiết phát sinh', 'Chứng từ gốc', and 'Thông tin khác'. A 'Gộp thuế vào giá trị' (Merge tax into value) checkbox is present. At the bottom, there are buttons for 'Nhập bản thành phiếu mới', 'Bảng kê', 'Tồn kho', 'Kết chuyển', 'Sổ chi tiết TK', 'In Chứng từ hàng loạt', 'Tính giá xuất kho', 'Công nợ 131', and 'Công nợ 331'. A 'Tài liệu' (Documentation) icon is in the bottom right corner.

Hình 32. Giao diện phần mềm nhập liệu hóa đơn số 63593

- Sau khi kế toán cập nhật số liệu vào phần mềm kế toán, hệ thống sẽ tự động phản ánh nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết tài khoản và Sổ Cái tài khoản 811.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA								
Mã số thuế : 0402153447								
Địa chỉ : Việt Nam								
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Mã hiệu : 811 - CHI PHÍ KHÁC								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND			
	Số	Ngày			Nợ	Có		
			Số dư đầu kỳ					
09/01/25	CT068561	09/01/25	Nộp tiền chậm nộp năm 2024	1121	169,800			
09/01/25	CT068562	09/01/25	Nộp tiền chậm nộp năm Q3/2023	1121	23,769			
22/05/25	CT070697	22/05/25	nộp tiền chậm nộp	1121	25,800			
15/07/25	CT072162	15/07/25	nộp tiền chậm nộp	1121	6,300			
29/07/25	CT072601	29/07/25	phạt lãi quá hạn	1123	289			
30/08/25	CT072318	30/08/25	phạt lãi quá hạn	1124	659			
29/10/25	CT072604	29/10/25	phạt lãi quá hạn	1123	1,538			
07/11/25	CT072394	07/11/25	nộp tiền chậm nộp	1121	754,184			
07/11/25	CT072395	07/11/25	nộp tiền chậm nộp	1121	204,000			
07/11/25	CT072396	07/11/25	nộp tiền chậm nộp	1121	5,639,024			
16/12/25	CT072800	16/12/25	thanh toán phí trả nợ trước hạn	1125	5,990,000			
29/12/25	CT072706	29/12/25	phạt lãi quá hạn	1123	599			
31/12/25	CT078706	31/12/25	KC số dư tài khoản 811 sang 911	911			12,815,962	
			Cộng phát sinh		12,815,962		12,815,962	
			Số dư cuối kỳ					

Hình 33. Trích Sổ Chi tiết tài khoản 811

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA				Mẫu số S03b-DN		
Mã số thuế : 0402153447				(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC		
Địa chỉ : 16 Thanh Lương 3, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam				Ngày 26/08/2016 Bộ Tài Chính)		
SỔ CÁI TÀI KHOẢN						
Mã hiệu : 811 - Chi phí khác						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
09/01/25	CT068561	09/01/25	Nộp tiền chậm nộp năm 2024	1121	169,800	
09/01/25	CT068562	09/01/25	Nộp tiền chậm nộp năm Q3/2023	1121	23,769	
22/05/25	CT070697	22/05/25	nộp tiền chậm nộp	1121	25,800	
15/07/25	CT072162	15/07/25	nộp tiền chậm nộp	1121	6,300	
29/07/25	CT072601	29/07/25	phạt lãi quá hạn	1123	289	
30/08/25	CT072318	30/08/25	phạt lãi quá hạn	1124	659	
29/10/25	CT072604	29/10/25	phạt lãi quá hạn	1123	1,538	
07/11/25	CT072394	07/11/25	nộp tiền chậm nộp	1121	754,184	
07/11/25	CT072395	07/11/25	nộp tiền chậm nộp	1121	204,000	
07/11/25	CT072396	07/11/25	nộp tiền chậm nộp	1121	5,639,024	
16/12/25	CT072800	16/12/25	thanh toán phí trả nợ trước hạn	1125	5,990,000	
29/12/25	CT072706	29/12/25	phạt lãi quá hạn	1123	599	
31/12/25	CT078706	31/12/25	KC số dư tài khoản 811 sang 911	911		12,815,962
			Cộng phát sinh		12,815,962	12,815,962
			Số dư cuối kỳ			
				</		

Hình 34. Trích Sổ Cái tài khoản 811

2.3.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Nội dung của chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia là khoản thuế mà công ty phải nộp cho Nhà nước dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong kỳ kế toán.

b. Chứng từ sử dụng

- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp
- Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

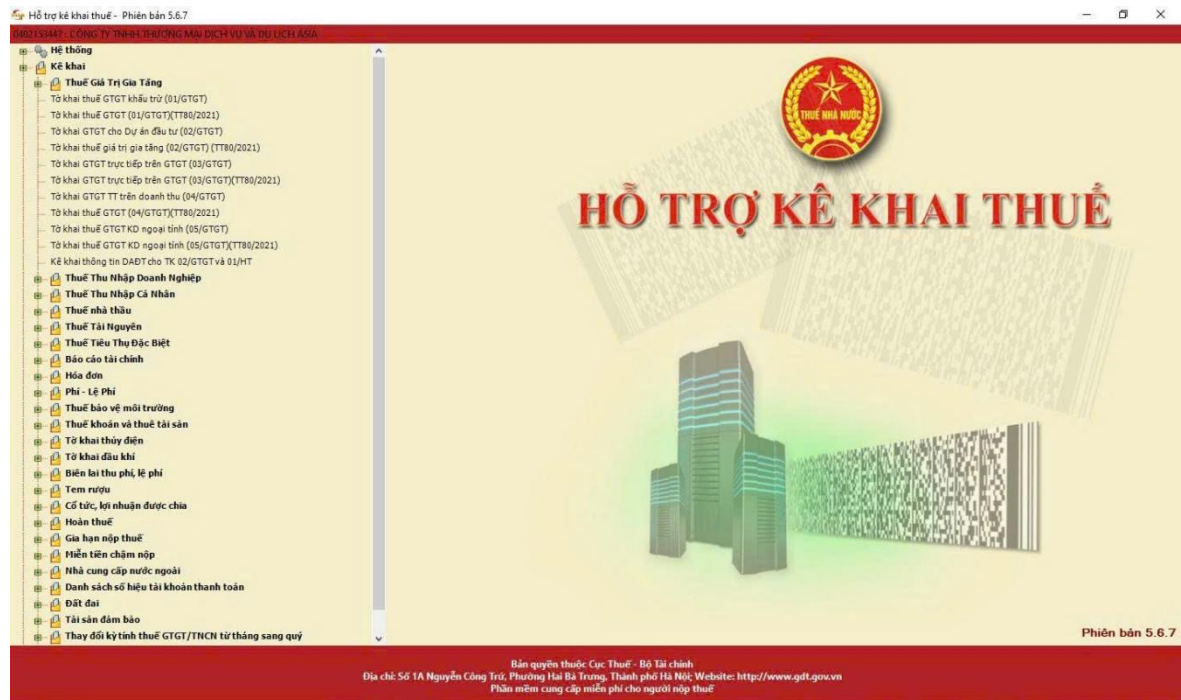
c. Tài khoản sử dụng

- Để phản ánh chính xác các nghiệp vụ liên quan đến thuế TNDN, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia đã sử dụng tài khoản 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

d. Nghiệp vụ phát sinh

Cuối kỳ kế toán, sau khi kiểm tra dữ liệu và hoàn thành báo cáo tài chính kế toán tiến hành lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kế toán đăng nhập vào phần mềm HTKK đăng nhập bằng Mã số thuế của công ty.



Hình 35. Giao diện phần mềm HTKK

Sau khi đăng nhập vào phần mềm HTKK => chọn Thuế thu nhập doanh nghiệp => chọn Tờ khai quyết toán thuế TNDN để kê khai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [] [03] Bổ sung lần thứ: [1]

Mẫu số: 03/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông
tư số 80/2021/TT-BTC
ngày 29 tháng 9 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài
chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: 079 - Hoạt động của các đại lý lữ hành, kinh doanh tua du lịch và hoạt động liên quan đến du lịch khác

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA

[07] Mã số thuế: 0402153447

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	1.372.147.121
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0

2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	1.372.147.121
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	1.372.147.121
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	1.372.147.121
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a-C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	1.372.147.121
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	1.372.147.121
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	1.372.147.121
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	274.429.424
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	274.429.424
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	

1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	274.429.424
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	274.429.424
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	274.429.424
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=H1+H2)	I	274.429.424

1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	274.429.424
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	274.429.424
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	274.429.424
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

Họ và tên:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI
NỘP THUẾ**

Chứng chỉ hành nghề số:

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CAO MINH TRIỀU

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán.
Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 274.429.424 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản

Hình 37. Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

- Đi kèm tờ khai quyết toán thuế TNDN là phụ lục kết quả hoạt động SXKD.

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

Mẫu số: 03-1A/TNDN
 (Ban hành kèm theo
 Thông tư số 80/2021/TT-
 BTC ngày 29 tháng 9
 năm 2021 của Bộ
 trưởng Bộ Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA

[03] Mã số thuế: 0402153447

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	138.281.725.536
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	104.370
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	136.855.892.401
a	Giá vốn hàng bán	[13]	136.077.688.151
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	778.204.250
5	Chi phí tài chính	[16]	40.980.422
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	1.384.957.083
7	Thu nhập khác	[19]	6.000
8	Chi phí khác	[20]	12.815.962
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(12.809.962)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	1.372.147.121

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chức vụ:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Hình 36. Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế TNDN trong năm 2025, công ty hạch toán chi phí vào tài khoản 821. Phần mềm kế toán sẽ tự động phản ánh nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết tài khoản và Sổ Cái tài khoản 821..

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA						
Mã số thuế : 0402153447						
Địa chỉ : Việt Nam						
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN						
Mã hiệu : 821 - CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
31/12/25	CT078786	31/12/25	KC số dư tài khoản 821 sang 911	911		274,429,424
31/12/25	CT078349	31/12/25	thuế thu nhập doanh nghiệp 2025	3334	274,429,424	
			Cộng phát sinh		274,429,424	274,429,424
			Số dư cuối kỳ			
Người lập				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Kế toán trưởng				Giám đốc		

Hình 38. Trích Sổ Chi tiết tài khoản 821

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA

Mã số thuế : 0402153447

Địa chỉ : 16 Thanh Lương 3, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC)

Ngày 26/08/2016 Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12/25	CT078786	31/12/25	KC số dư tài khoản 821 sang 911	911		274,429,424
31/12/25	CT078349	31/12/25	thuế thu nhập doanh nghiệp 2025	3334	274,429,424	
			Cộng phát sinh		274,429,424	274,429,424
			Số dư cuối kỳ			

Hình 39. Trích Sổ Cái tài khoản 821

2.3.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a. Nội dung của kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Cuối kỳ kế toán, phần mềm kết chuyển tự động các khoản doanh thu và chi phí để xác định kết quả kinh doanh xác định lãi lỗ của doanh nghiệp.

b. Chứng từ sử dụng

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

c. Tài khoản và sổ sách kế toán

- Để phản ánh chính xác các nghiệp vụ liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia đã sử dụng tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”

- Sổ sách theo dõi:

- + Sổ nhật ký chung tài khoản 911
- + Sổ chi tiết tài khoản 911
- + Sổ cái tài khoản 911

d. Nghiệp vụ phát sinh

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA						
Mã số thuế : 0402153447						
Địa chỉ : Việt Nam						
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN						
Mã hiệu : 911 - XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH						
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/01/25	CT078709	31/01/25	KC số dư tài khoản 911 sang 4212	4212		20,285,921
31/01/25	CT078708	31/01/25	KC số dư tài khoản 515 sang 911	515		3,911
31/01/25	CT078707	31/01/25	KC số dư tài khoản 5111 sang 911	5111		4,997,361,260
31/01/25	CT078706	31/01/25	KC số dư tài khoản 811 sang 911	811	193,569	
31/01/25	CT078705	31/01/25	KC số dư tài khoản 6421 sang 911	6421	44,033,037	
31/01/25	CT078704	31/01/25	KC số dư tài khoản 635 sang 911	635	2,548,973	
31/01/25	CT078703	31/01/25	KC số dư tài khoản 632 sang 911	632	4,970,875,513	
---	---	---				
31/07/25	CT078749	31/07/25	KC số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	133,230,347	
31/07/25	CT078748	31/07/25	KC số dư tài khoản 515 sang 911	515		3,793
31/07/25	CT078747	31/07/25	KC số dư tài khoản 5111 sang 911	5111		26,386,787,882
31/07/25	CT078746	31/07/25	KC số dư tài khoản 811 sang 911	811	6,589	
31/07/25	CT078745	31/07/25	KC số dư tài khoản 6421 sang 911	6421	56,414,486	
31/07/25	CT078744	31/07/25	KC số dư tài khoản 635 sang 911	635	3,734,584	
31/07/25	CT078743	31/07/25	KC số dư tài khoản 632 sang 911	632	26,193,405,669	
---	---	---				
31/12/25	CT078787	31/12/25	KC số dư tài khoản 5111 sang 911	5111		7,255,545,731
31/12/25	CT078786	31/12/25	KC số dư tài khoản 821 sang 911	821	274,429,424	
31/12/25	CT078785	31/12/25	KC số dư tài khoản 811 sang 911	811	5,990,599	
31/12/25	CT078784	31/12/25	KC số dư tài khoản 6421 sang 911	6421	110,852,689	
31/12/25	CT078783	31/12/25	KC số dư tài khoản 635 sang 911	635	6,275,508	
31/12/25	CT078782	31/12/25	KC số dư tài khoản 632 sang 911	632	6,005,746,789	
31/12/25	CT078789	31/12/25	KC số dư tài khoản 515 sang 911	515		34,279
31/12/25	CT078790	31/12/25	KC số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	852,285,001	
			Cộng phát sinh		138,508,095,444	138,508,095,444
			Số dư cuối kỳ			

Hình 40. Trích Sổ Chi tiết tài khoản 911

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA

Mã số thuế : 0402153447

Địa chỉ : 16 Thanh Lương 3, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/01/25	CT078709	31/01/25	KC số dư tài khoản 911 sang 4212	4212		20,285,921
31/01/25	CT078708	31/01/25	KC số dư tài khoản 515 sang 911	515		3,911
31/01/25	CT078707	31/01/25	KC số dư tài khoản 5111 sang 911	5111		4,997,361,260
31/01/25	CT078702	31/01/25	KC số dư tài khoản 811 sang 911	811	193,569	
31/01/25	CT078705	31/01/25	KC số dư tài khoản 6421 sang 911	6421	44,033,037	
31/01/25	CT078704	31/01/25	KC số dư tài khoản 635 sang 911	635	2,548,973	
31/01/25	CT078703	31/01/25	KC số dư tài khoản 632 sang 911	632	4,970,875,513	
28/02/25	CT078713	28/02/25	KC số dư tài khoản 5111 sang 911	5111		8,579,992,888
28/02/25	CT078712	28/02/25	KC số dư tài khoản 6421 sang 911	6421	28,048,444	
28/02/25	CT078711	28/02/25	KC số dư tài khoản 635 sang 911	635	2,504,019	
28/02/25	CT078714	28/02/25	KC số dư tài khoản 515 sang 911	515		1,280
28/02/25	CT078710	28/02/25	KC số dư tài khoản 632 sang 911	632	8,534,099,877	
28/02/25	CT078715	28/02/25	KC số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	15,341,828	
31/03/25	CT078717	31/03/25	KC số dư tài khoản 635 sang 911	635	2,221,090	
31/03/25	CT078718	31/03/25	KC số dư tài khoản 6421 sang 911	6421	28,656,555	
31/03/25	CT078719	31/03/25	KC số dư tài khoản 5111 sang 911	5111		8,492,207,964
31/03/25	CT078721	31/03/25	KC số dư tài khoản 515 sang 911	515		1,422
31/03/25	CT078716	31/03/25	KC số dư tài khoản 632 sang 911	632	8,431,916,791	
31/03/25	CT078722	31/03/25	KC số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	29,414,950	
30/04/25	CT078728	30/04/25	KC số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	93,338,576	
30/04/25	CT078727	30/04/25	KC số dư tài khoản 515 sang 911	515		1,702
30/04/25	CT078726	30/04/25	KC số dư tài khoản 5111 sang 911	5111		10,259,364,112
30/04/25	CT078723	30/04/25	KC số dư tài khoản 632 sang 911	632	10,136,447,997	
30/04/25	CT078725	30/04/25	KC số dư tài khoản 6421 sang 911	6421	27,165,131	
30/04/25	CT078724	30/04/25	KC số dư tài khoản 635 sang 911	635	2,414,110	

31/05/25	CT078734	31/05/25	KC số dư tài khoản 515 sang 911	515		2,156
31/05/25	CT078733	31/05/25	KC số dư tài khoản 5111 sang 911	5111		13,878,007,338
31/05/25	CT078732	31/05/25	KC số dư tài khoản 811 sang 911	811	25,800	
31/05/25	CT078731	31/05/25	KC số dư tài khoản 6421 sang 911	6421	51,225,713	
31/05/25	CT078730	31/05/25	KC số dư tài khoản 635 sang 911	635	2,292,732	
31/05/25	CT078729	31/05/25	KC số dư tài khoản 632 sang 911	632	13,763,168,079	
31/05/25	CT078735	31/05/25	KC số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	61,297,170	
30/06/25	CT078742	30/06/25	KC số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	125,981,722	
30/06/25	CT078741	30/06/25	KC số dư tài khoản 515 sang 911	515		4,498
30/06/25	CT078739	30/06/25	KC số dư tài khoản 5111 sang 911	5111		25,316,818,009
30/06/25	CT078738	30/06/25	KC số dư tài khoản 6421 sang 911	6421	46,337,560	
30/06/25	CT078737	30/06/25	KC số dư tài khoản 635 sang 911	635	2,324,202	
30/06/25	CT078736	30/06/25	KC số dư tài khoản 632 sang 911	632	25,142,179,023	
31/07/25	CT078749	31/07/25	KC số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	133,230,347	
31/07/25	CT078701	31/07/25	KC số dư tài khoản 515 sang 911	515		3,793
31/07/25	CT078700	31/07/25	KC số dư tài khoản 5111 sang 911	5111		26,386,787,882
31/07/25	CT078746	31/07/25	KC số dư tài khoản 811 sang 911	811	6,589	
31/07/25	CT078745	31/07/25	KC số dư tài khoản 6421 sang 911	6421	56,414,486	
31/07/25	CT078744	31/07/25	KC số dư tài khoản 635 sang 911	635	3,734,584	
31/07/25	CT078699	31/07/25	KC số dư tài khoản 632 sang 911	632	26,193,405,669	
31/08/25	CT078752	31/08/25	KC số dư tài khoản 6421 sang 911	6421	89,144,638	
31/08/25	CT078753	31/08/25	KC số dư tài khoản 811 sang 911	811	659	
31/08/25	CT078754	31/08/25	KC số dư tài khoản 5111 sang 911	5111		15,779,121,933
31/08/25	CT078756	31/08/25	KC số dư tài khoản 515 sang 911	515		10,078
31/08/25	CT078757	31/08/25	KC số dư tài khoản 711 sang 911	711		6,000
31/08/25	CT078758	31/08/25	KC số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	13,087,641	
31/08/25	CT078751	31/08/25	KC số dư tài khoản 635 sang 911	635	3,508,826	
31/08/25	CT078750	31/08/25	KC số dư tài khoản 632 sang 911	632	15,673,396,247	
30/09/25	CT078760	30/09/25	KC số dư tài khoản 635 sang 911	635	2,204,749	
30/09/25	CT078761	30/09/25	KC số dư tài khoản 6421 sang 911	6421	80,583,092	
30/09/25	CT078762	30/09/25	KC số dư tài khoản 5111 sang 911	5111		6,906,312,168

30/09/25	CT078764	30/09/25	KC số dư tài khoản 515 sang 911	515		13,898
30/09/25	CT078765	30/09/25	KC số dư tài khoản 911 sang 4212	4212		29,808,340
30/09/25	CT078759	30/09/25	KC số dư tài khoản 632 sang 911	632	6,853,346,565	
31/10/25	CT078767	31/10/25	KC số dư tài khoản 635 sang 911	635	3,946,426	
31/10/25	CT078768	31/10/25	KC số dư tài khoản 6421 sang 911	6421	109,154,216	
31/10/25	CT078769	31/10/25	KC số dư tài khoản 811 sang 911	811	1,538	
31/10/25	CT078770	31/10/25	KC số dư tài khoản 5111 sang 911	5111		5,810,585,192
31/10/25	CT078772	31/10/25	KC số dư tài khoản 515 sang 911	515		10,752
31/10/25	CT078766	31/10/25	KC số dư tài khoản 632 sang 911	632	5,780,668,762	
31/10/25	CT078773	31/10/25	KC số dư tài khoản 911 sang 4212	4212		83,174,998
30/11/25	CT078781	30/11/25	KC số dư tài khoản 911 sang 4212	4212		92,990,278
30/11/25	CT078780	30/11/25	KC số dư tài khoản 515 sang 911	515		16,601
30/11/25	CT078778	30/11/25	KC số dư tài khoản 5111 sang 911	5111		4,619,621,059
30/11/25	CT078777	30/11/25	KC số dư tài khoản 811 sang 911	811	6,597,208	
30/11/25	CT078776	30/11/25	KC số dư tài khoản 6421 sang 911	6421	106,588,689	
30/11/25	CT078775	30/11/25	KC số dư tài khoản 635 sang 911	635	7,005,203	
30/11/25	CT078774	30/11/25	KC số dư tài khoản 632 sang 911	632	4,592,436,838	
31/12/25	CT078787	31/12/25	KC số dư tài khoản 5111 sang 911	5111		7,255,545,731
31/12/25	CT078786	31/12/25	KC số dư tài khoản 821 sang 911	821	274,429,424	
31/12/25	CT078785	31/12/25	KC số dư tài khoản 811 sang 911	811	5,990,599	
31/12/25	CT078698	31/12/25	KC số dư tài khoản 6421 sang 911	6421	110,852,689	
31/12/25	CT078697	31/12/25	KC số dư tài khoản 635 sang 911	635	6,275,508	
31/12/25	CT078782	31/12/25	KC số dư tài khoản 632 sang 911	632	6,005,746,789	
31/12/25	CT078789	31/12/25	KC số dư tài khoản 515 sang 911	515		34,279
31/12/25	CT078790	31/12/25	KC số dư tài khoản 911 sang 4212	4212	852,285,001	
			Cộng phát sinh		138,508,095,444	138,508,095,444
			Số dư cuối kỳ			
					<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	
	Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc	

Hình 41. Trích Sổ Cái tài khoản 911

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mẫu số: B02
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA

[03] Mã số thuế: 0402153447

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		138.281.725.536	96.614.126.265
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		138.281.725.536	96.614.126.265
4. Giá vốn hàng bán	11		136.077.688.151	95.505.816.852
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.204.037.385	1.108.309.413
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		104.370	35.526
7. Chi phí tài chính	22		40.980.422	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		778.204.250	466.538.631
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		1.384.957.083	641.806.308
10. Thu nhập khác	31		6.000	1.000.000
11. Chi phí khác	32		12.815.962	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(12.809.962)	1.000.000
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.372.147.121	642.806.308
14. Chi phí thuế TNDN	51		274.429.424	99.456.006
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		1.097.717.697	543.350.302

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 24 tháng 04 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
CAO MINH TRIỀU

Hình 42. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA

Mã số thuế : 0402153447

Địa chỉ: 16 Thanh Lương 3, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016
của Bộ Tài chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Ngày ghi số	Chứng từ		Hoà đơn		Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
	Loại	Số	Số	Ngày		Nợ	Có	
01/01/25	CT014891	CT014891	00000103	01/01/25	Mua hàng hoá, dịch vụ HD 00000103			4,400,000
					CB CAP & AN TRƯA TOKYO NL NT	156	331	4,074,074
					Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ 8%	1331	331	325,926
01/01/25	CT014892	CT014892	00000242	01/01/25	Mua hàng hoá, dịch vụ HD 00000242			8,800,000
					CB CAP & AN TRƯA TOKYO NL NT	156	331	8,148,148
					Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ 8%	1331	331	651,852
...	...	...						
15/07/25				15/07/25	lãi vay			2,205,723
					lãi vay	635	1125	2,205,723
15/07/25				15/07/25	nap vào cty			289,000,000
					nap vào cty	1121	1111	289,000,000
...	...	...						
26/07/25				26/07/25	Thanh toán tiền vé			50,000,000
					Thanh toán tiền vé	331	1121	50,000,000
26/07/25				26/07/25	lãi tiền gửi			329
					lãi tiền gửi	1123	515	329
26/07/25				26/07/25	thu lãi thấu chi			1,001,634
					thu lãi thấu chi	635	1123	1,001,634
...	...	...						
28/07/25			1618	28/07/25	Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ HD 1618			32,927,040
					Gói dịch vụ phở thông người lớn	1111	5111	4,270,000
					Gói dịch vụ nạp khí người lớn	1111	5111	1,110,000
					Gói dịch vụ phở thông trẻ em	1111	5111	432,000
					Gói dịch vụ phở thông người lớn	1111	5111	11,745,000
					Gói dịch vụ tích lộc người lớn	1111	5111	4,557,000
					Gói dịch vụ tích lộc trẻ em	1111	5111	328,000
					Gói dịch vụ tích lộc người lớn	1111	5111	7,164,000
					Gói dịch vụ tích lộc trẻ em	1111	5111	602,000
					Gói dịch vụ nạp khí trẻ em	1111	5111	280,000
					Thuế GTGT đầu ra 8%	1111	33311	2,439,040
28/07/25			1619	28/07/25	Bán hàng			4,250,000
					Gói dịch vụ Detox 2 đã ngoại người lớn	1111	5111	3,935,185
					Thuế GTGT đầu ra 8%	1111	33311	314,815

28/07/25			1621	28/07/25	Bán hàng			270,000
					Thuế GTGT đầu ra 8%	1111	33311	20,000
					Vé TA Adult Play WD DA NANG	1111	5111	250,000
					Vé TA Adult Play WE	156	1111	618,056
					Vé TA Child Play WE	156	1111	340,278
...	...	...						
28/07/25	CT010363	CT010363	1619	28/07/25	PXX HĐ CT010361			3,064,815
					Gói dịch vụ Detox 2 đã ngoại người lớn	632	156	3,064,815
28/07/25	CT010366	CT010366	1620	28/07/25	PXX HĐ CT010364			503,846
					Vé TA Adult Play WD DA NANG	632	156	503,846
28/07/25	CT010369	CT010369	1621	28/07/25	PXX HĐ CT010367			251,923
					Vé TA Adult Play WD DA NANG	632	156	251,923
					CB CẤP & ẨM TRƯA BHARATA NL NT LHI	156	331	12,222,222
					CB CẤP & ẨM TRƯA BHARATA TE NT LHI	156	331	787,037
...	...	...						
29/07/25	CT010546	CT010546	1680	29/07/25	PXX HĐ CT010544			5,800,000
					Gói dịch vụ phổ thông người lớn	632	156	5,200,000
					Gói dịch vụ phổ thông trẻ em	632	156	600,000
29/07/25	CT010549	CT010549	1681	29/07/25	PXX HĐ CT010547			3,200,000
					Gói dịch vụ phổ thông người lớn	632	156	2,800,000
					Gói dịch vụ phổ thông trẻ em	632	156	400,000
...	...	...						
29/07/25			1679	29/07/25	Bán hàng			1,935,000
					Thuế GTGT đầu ra 8%	1111	33311	143,333
					Gói dịch vụ tích lộc người lớn	1111	5111	1,791,667
29/07/25			1681	29/07/25	Bán hàng			3,501,000
					Thuế GTGT đầu ra 8%	1111	33311	259,334
					Gói dịch vụ phổ thông người lớn	1111	5111	2,819,444
					Gói dịch vụ phổ thông trẻ em	1111	5111	422,222
...	...	...						
29/07/25				29/07/25	trả nợ vay thấu chi			100,000,000
					trả nợ vay thấu chi	1124	3412	100,000,000
29/07/25				29/07/25	phạt lãi quá hạn			289
					phạt lãi quá hạn	811	1123	289
29/07/25				29/07/25	thu lãi			527,227
					thu lãi	635	1123	527,227
29/07/25				29/07/25	khách lẻ thanh toán tiền mặt hoá đơn 1669			673,640
					khách lẻ thanh toán tiền mặt hoá đơn 1669	1111	1312	673,640
...	...	...						
31/07/25				31/07/25	thu phí dịch vụ			9,900
					thu phí dịch vụ	6421	1125	9,900

31/07/25			31/07/25	lãi tiền gửi			1,593
				lãi tiền gửi	1125	515	1,593
31/07/25			31/07/25	Nộp tiền vào TK công ty			140,000,000
				Nộp tiền vào TK công ty	1121	1111	140,000,000
...	...	...					
31/07/25	CT072660	CT072660	31/07/25	Khấu hao xe oto tháng 07/2025			8,012,775
				Khấu hao xe oto tháng 07/2025	6421	2141	8,012,775
31/07/25	CT072721	CT072721	31/07/25	Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí			5,440,000
				Trích BHXH vào phí	6421	3383	3,655,000
				Trích BHXH vào phí	334	3383	1,785,000
31/07/25	CT072736	CT072736	31/07/25	Kết chuyển lương tháng 07/2025			35,654,615
				Kết chuyển lương tháng 07/2025	6421	334	35,654,615
...	...	...					
27/08/25			27/08/25	Thanh toán tiền vé			30,000,000
				Thanh toán tiền vé	331	1121	30,000,000
27/08/25			27/08/25	Hồ Thị Ngọc Trinh chuyển tiền			6,000
				Hồ Thị Ngọc Trinh chuyển tiền	1121	711	6,000
27/08/25			27/08/25	chi trả thấu chi			220,000
				chi trả thấu chi	3412	1121	220,000
...	...	...					
31/12/25	CT078349	CT078349	31/12/25	thuế thu nhập doanh nghiệp 2025			274,429,424
				thuế thu nhập doanh nghiệp 2025	821	3334	274,429,424
31/12/25	CT078526	CT078526	31/12/25	Trích BHXH vào phí			8,640,000
				Trích BHXH vào phí	6421	3383	5,805,000
				Trích BHXH vào phí	334	3383	2,835,000
31/12/25			31/12/25	Thanh toán tiền vé			200,000,000
				Thanh toán tiền vé	331	1121	200,000,000
...	...	...					
31/12/25			31/12/25	Nộp tiền vào công ty			14,800,000
				Nộp tiền vào công ty	1121	1111	14,800,000
31/12/25			31/12/25	chi trả lương tháng 12/2025			5,913,077
				chi trả lương tháng 12/2025	334	1111	5,913,077
31/12/25			31/12/25	Thanh toán tiền vé			2,000,000
				Thanh toán tiền vé	331	1111	2,000,000
31/12/25	CT078747	CT078747	31/12/25	KC số dư tài khoản 5111 sang 911			138,281,725,536
				KC số dư tài khoản 5111 sang 911	5111	911	138,281,725,536
31/12/25	CT078349	CT078349	31/12/25	KC số dư tài khoản 821 sang 911			274,429,424
				KC số dư tài khoản 821 sang 911	911	821	274,429,424
31/12/25	CT078706	CT078706	31/12/25	KC số dư tài khoản 811 sang 911			12,815,962
				KC số dư tài khoản 811 sang 911	911	811	12,815,962
31/12/25	CT078784	CT078784	31/12/25	KC số dư tài khoản 6421 sang 911			778,204,250
				KC số dư tài khoản 6421 sang 911	911	6421	778,204,250
31/12/25	CT078783	CT078783	31/12/25	KC số dư tài khoản 635 sang 911			40,980,422
				KC số dư tài khoản 635 sang 911	911	635	40,980,422
31/12/25	CT078575	CT078575	31/12/25	KC số dư tài khoản 711 sang 911			6,000
				KC số dư tài khoản 711 sang 911	711	911	6,000
31/12/25	CT078743	CT078743	31/12/25	KC số dư tài khoản 632 sang 911			136,077,688,151
				KC số dư tài khoản 632 sang 911	911	632	136,077,688,151
31/12/25	CT078748	CT078748	31/12/25	KC số dư tài khoản 515 sang 911			104,370
				KC số dư tài khoản 515 sang 911	515	911	104,370
31/12/25	CT078437	CT078437	31/12/25	KC số dư tài khoản 911 sang 4212			1,550,236,771
				KC số dư tài khoản 911 sang 4212	911	4212	1,550,236,771
				Cộng số phát sinh trong kỳ			277,016,190,887
				Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người lập biểu		Kế toán trưởng		Người đại diện theo pháp luật			
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)			

Hình 43 : Trích Sổ Nhật Ký Chung năm 2025

CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ GÓP PHẦN NHẪM HOÀN THIỆN THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH ASIA

3.1. Nhận xét, đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia

3.1.1. Ưu điểm

Doanh thu được ghi nhận đúng thời điểm khi dịch vụ hoàn thành hoặc khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với nguyên tắc kế toán. Việc sử dụng phần mềm kế toán Wintax giúp kế toán theo dõi chi tiết doanh thu, chi phí bán hàng và lập báo cáo nhanh chóng, giúp tự động hóa quy trình, giảm thiểu sai sót thủ công và đảm bảo tính kịp thời của thông tin kế toán.

Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, công ty áp dụng mẫu chứng từ và tuân thủ quy định của Bộ Tài Chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC. Quy trình luân chuyển chứng từ nhanh chóng, kịp thời.

Công ty mở đầy đủ sổ sách theo hình thức kế toán Nhật ký chung (Sổ nhật ký chung, Sổ chi tiết, Sổ cái), ưu điểm của hình thức này khá là đơn giản từ từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, dễ dàng cho việc theo dõi kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ sách liên quan.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Do đặc thù hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại và du lịch mang tính thời điểm, doanh thu và chi phí của công ty chịu ảnh hưởng rõ rệt giữa các mùa cao điểm và thấp điểm. Điều này gây khó khăn cho việc cân đối chi phí và doanh thu giữa các kỳ kế toán, dẫn đến kết quả kinh doanh có sự chênh lệch lớn và chưa phản ánh được tính ổn định trong hoạt động của doanh nghiệp.

Do khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty tương đối nhiều nên việc kiểm tra, đối chiếu chứng từ và số liệu kế toán đôi khi còn mất nhiều thời gian. Đặc biệt vào thời điểm cuối tháng hoặc cuối kỳ kế toán, số lượng chứng từ phát sinh lớn dễ gây áp lực cho công tác tổng hợp và kiểm tra số liệu.

Các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp hiện đang được theo dõi chung trên TK 3383. Việc hạch toán gộp

p các khoản bảo hiểm tuy thuận tiện trong quá trình ghi chép nhưng chưa tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu và quản lý chi tiết từng khoản phải nộp.

Công ty chủ yếu sử dụng phần mềm kế toán để xử lý dữ liệu nên trong một số trường hợp việc trích xuất sổ sách hoặc tổng hợp dữ liệu còn khá chậm khi số lượng chứng từ phát sinh lớn. Điều này đôi khi ảnh hưởng đến tiến độ kiểm tra và cung cấp số liệu kế toán.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia

3.2.1. Giải pháp chung nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia

Để nâng cao hiệu quả công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ và Du lịch Asia, công ty cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống kế toán và nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán trong quá trình xử lý dữ liệu.

Công ty nên thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa chứng từ gốc với Sổ nhật ký chung, Sổ cái và các sổ chi tiết nhằm đảm bảo tính chính xác và hạn chế sai sót trong quá trình hạch toán. Kế toán cần thực hiện việc cập nhật chứng từ và ghi sổ kịp thời để tránh tình trạng chậm trễ trong công tác tổng hợp số liệu cuối kỳ.

Tăng cường công tác lưu trữ chứng từ và dữ liệu kế toán theo từng nội dung cụ thể nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu và kiểm tra khi cần thiết. Việc sắp xếp chứng từ khoa học sẽ giúp tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả quản lý hồ sơ kế toán.

Công ty nên thường xuyên nâng cấp và bảo trì phần mềm kế toán nhằm hạn chế tình trạng xử lý dữ liệu chậm khi số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn. Đồng thời doanh nghiệp cần chú trọng nâng cao kỹ năng sử dụng phần mềm kế toán cho nhân viên kế toán nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc thực tế.

3.2.2. Giải pháp nhằm hoàn thiện thực trạng công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia

Đối với công tác kế toán doanh thu và chi phí, công ty cần thực hiện theo dõi chi tiết hơn các khoản doanh thu và chi phí phát sinh theo từng hoạt động kinh doanh hoặc từng tour du lịch cụ thể. Điều này sẽ giúp doanh nghiệp dễ dàng đánh giá hiệu quả hoạt động của từng lĩnh vực kinh doanh, từ đó đưa ra các biện pháp quản lý phù hợp.

Kế toán cần thực hiện việc ghi nhận doanh thu và chi phí kịp thời, đúng thời điểm phát sinh nhằm phản ánh chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của doanh

ng nghiệp trong kỳ kế toán. Tăng cường kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của chứng từ trước khi thực hiện nhập liệu vào phần mềm kế toán.

Công ty cần chú trọng hơn đến công tác kiểm soát chi phí nhằm hạn chế các khoản chi không cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Các khoản chi phí phát sinh cần được phân loại rõ ràng và theo dõi cụ thể để phục vụ cho việc phân tích và đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Đối với các khoản trích theo lương, công ty nên mở sổ chi tiết và hạch toán riêng BHXH vào TK 3383, BHYT vào TK 3384, BHTN vào TK 3386 thay vì theo dõi chung trên TK 3383 như hiện nay để thuận tiện cho việc quản lý, đối chiếu và lập báo cáo. Việc theo dõi riêng từng khoản sẽ giúp kế toán dễ dàng đối chiếu với cơ quan bảo hiểm xã hội.

Cuối cùng, công ty nên thực hiện đối chiếu số liệu thường xuyên giữa các sổ kế toán nhằm đảm bảo tính chính xác và thống nhất của thông tin kế toán. Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính cũng như hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình hoạt động và phát triển trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế ngày càng phát triển và cạnh tranh gay gắt như hiện nay, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh giữ vai trò hết sức quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp. Đây không chỉ là cơ sở để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn cung cấp những thông tin cần thiết phục vụ cho công tác quản lý, điều hành và ra quyết định của nhà quản trị.

Qua quá trình nghiên cứu đề tài về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp, em đã có cơ hội tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đã được học vào thực tế. Đồng thời, em cũng hiểu rõ hơn về quy trình luân chuyển chứng từ, phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí cũng như việc xác định kết quả kinh doanh theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Qua việc phân tích thực trạng công tác kế toán tại doanh nghiệp, có thể thấy doanh nghiệp đã tổ chức tương đối tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận đầy đủ, kịp thời và phù hợp với các quy định hiện hành. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đạt được vẫn còn một số hạn chế nhất định cần được quan tâm và khắc phục nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác kế toán và chất lượng thông tin cung cấp cho nhà quản lý.

Trên cơ sở những kiến thức đã học và những vấn đề thực tế tìm hiểu được trong quá trình thực tập, em đã mạnh dạn đưa ra một số nhận xét và đề xuất nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp. Mặc dù đã cố gắng tìm hiểu, nghiên cứu và hoàn thành đề tài, nhưng do thời gian thực tập có hạn, kiến thức và kinh nghiệm thực tế của bản thân còn hạn chế nên bài báo cáo không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô và các anh chị tại đơn vị thực tập để bài báo cáo được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn Ban Giám đốc cùng toàn thể cán bộ, nhân viên của doanh nghiệp đã tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt thời gian thực tập. Đồng thời, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến quý thầy cô đã tận tình hướng dẫn, truyền đạt kiến thức và hỗ trợ em hoàn thành đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26 tháng 8 năm 2016.
2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
3. Sổ sách, tài liệu Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia.
4. Trang web: <https://thuvienphapluat.vn>

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 05 năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi, Trần Phương Thảo, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☐ **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- Các công cụ AI đã sử dụng:**

- Chat GPT

- Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):

- Sử dụng AI để hỗ trợ tìm ý tưởng, tham khảo tài liệu, chỉnh sửa diễn đạt.

- Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**

- Lời mở đầu

- 1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

- 2.2.2. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty

- 3.2.1. Giải pháp chung nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia

- 3.2.2. Giải pháp nhằm hoàn thiện thực trạng công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Du lịch Asia

- Kết luận

- Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.

◦ ☐ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khóa luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: _____ Ngày: _____